

DANH MỤC SẢN PHẨM

- Phốt cơ khí
- Hệ thống hỗ trợ niêm phong
- Đóng gói bện
- Đóng gói tiêm
- Gioăng phẳng
- Sản phẩm bảo trì

Niêm phong vượt quá mong đợi

Hệ thống làm kín cho máy quay và giải pháp bảo trì công nghiệp

DANH MỤC SẢN PHẨM

MỤC LỤC



	Trang
Nhận dạng và mã hóa vật liệu	3
Dòng sản phẩm	4
Phốt cơ khí	
KIẾU 600 - Phốt hộp mực “Không tay”	6
STYLE 688 - Bật động sản Split	10
Công nghệ phủ kim cương	11
API SEALS - Loại A, Sắp xếp 1	12
API SEALS - Loại A, Sắp xếp 2 và 3	13
Hệ thống mô-đun phốt hộp mực	14
Phốt cơ khí với ống thổi kim loại	16
Khu điện trang được thiết kế riêng	18
Phốt linh kiện	19
Phốt cơ khí OEM	21
Hệ thống hỗ trợ niêm phong	22
Đóng gói và miếng đệm	24
Đóng gói bền	25
Siêu niêm phong	33
Hệ thống không mất mát	36
Gioăng phẳng	40
Sửa chữa và bảo trì	43
Con dấu Tex	45
Băng sửa ống	46
Hóa chất bảo dưỡng công nghiệp	44
Sản phẩm đặc biệt	48
Chất bôi trơn	50
Lớp phủ	52
Chất tẩy rửa	54
Hệ thống siêu kim loại	57

NHẬN DẠNG VÀ MÃ HÓA VẬT LIỆU

Với sự ra đời của các công nghệ và vật liệu mới, nhu cầu chuẩn hóa và hợp lý hóa việc nhận dạng niêm phong ngày càng trở nên quan trọng. Hệ thống EN 12756 đã thay thế Tiêu chuẩn Công nghiệp Deutsche DIN 24960, và người Pháp NFE 29-991, với mục đích xác định các kích thước quan trọng của vỏ máy bơm, các phớt và vật liệu xây dựng liên quan.

BẮT ĐỘNG SẢN ĐƠN LẾ	Thư tham khảo tài liệu
Vòng xoay	1
Vòng cố định	2
Con dấu thứ cấp	3
Mùa xuân	4
Các bộ phận kim loại	5

CON DẤU KÉP	Mặt sản phẩm	Phía khí quyển
Vòng xoay	1	1
Vòng cố định	2	2
Con dấu thứ cấp	3	3
Mùa xuân	4	
Các bộ phận kim loại	5	

VẬT LIỆU CHUẨN

MÃ SỐ	1, 2 VẬT LIỆU MẶT	MÃ SỐ	3 VẬT LIỆU KÍN SƠ TRUNG	MÃ SỐ	4, 5 LỖ XO VÀ CÁC BỘ PHẬN KIM LOẠI
ĐẾN	Carbon tấm antimon	MỘT	EPDM - Cao su Ethylene Propylene	G	Thép 1.4571 CrNiMo (316Ti)
B1	Carbon tấm nhựa	P	NBR – Cao su Nitrile	G1	Thép 1.4462 CrNiMo (Duplex)
Ngày 1	SiC phủ kim cương 8µm	V	FKM - Cao su Fluorocarbon	G4	Thép 1.4501 CrNiMoCu (Siêu Duplex)
Ngày 2	SiC phủ kim cương 16µm	X	TFE/P – FEPM –Tetrafluoroethylene - Propylen	G7	Thép 1.4410 CrNiMoCu (Siêu Duplex)
G	Thép CrNiMo	K	FFKM - Perfluoroelastomer	Tôi	Hastelloy C4
U2	TC – Hợp kim cacbua vonfram niken	M1	FKM, lớp phủ PTFE kép	M4	Hợp kim Monel K500
U22	TC – Hợp kim cacbua vonfram niken khóa nóng	M2	EPDM, lớp phủ PTFE kép	M5	Hastelloy C276
Cầu hỏi 1	Silic cacbua thiêu kết SSIC	M5	FKM, phủ FEP	M6	Inconel 718
Quý 2	Phản ứng SIC liên kết silicon carbide	M7	FKM, lớp phủ PTFE kép / PTFE rắn	F	Thép 1.4301 (304)
Quý 3	S-SIC Silicon carbide chứa than chì	T	PTFE	T2	Titan nguyên chất
Cầu hỏi 12	Silic cacbua thiêu kết SSIC khóa nóng	G	Than chì nguyên chất	T3	Inconel 625
Cầu 22	Phản ứng SIC liên kết silicon carbide khóa nóng			T5	Incoloy 800
V	Nhôm dioxit (gốm) > 99%			T6	Hợp kim đặc biệt AM 350
V2	Nhôm dioxit (gốm) > 96%				
Y1	PTFE, chứa đầy thủy tinh				

DÒNG SẢN PHẨM

DÒNG PHỐT CƠ KHÍ “KHÔNG ỐP” - KHÔNG CÓ Ố CẮM

SChúng tôi là nhà sản xuất đầu tiên và duy nhất cung cấp đầy đủ các dòng sản phẩm **phốt cơ khí hình nón có hiệu suất vượt trội và chi phí thấp hơn**

vẫn là tiêu chuẩn của thị trường.

Các **Thiết kế được cấp bằng sáng chế** đảm bảo khả năng bôi trơn cao hơn sự không thẳng hàng, và các đặc tính tự làm sạch và tự làm mát. Thiết kế mang tính cách mạng này, cho phép tùy chỉnh dễ dàng để phù hợp với các hộp nhồi khác nhau, đã được chứng minh qua nhiều năm là có thể xử lý hầu hết các ứng dụng công nghiệp: từ thiết kế phốt đơn cơ bản vào năm 2006,

Đầy chuyên sản xuất đã phát triển bao gồm các loại phốt kép, phốt chia đôi, phốt chịu tải nặng, phốt chịu áp suất cao và phốt có tính ăn mòn hóa học.



PHỐT CƠ KHÍ API 682

U chỉ sử dụng vật liệu chất lượng cao nhất và cung cấp nhiều biện pháp kiểm soát và chứng nhận hơn so với yêu cầu của quy định API682, chúng tôi

Dầu khí trong các ứng dụng thượng nguồn và hạ nguồn, với thời gian giao hàng thấp hơn đáng kể so với thời gian trung bình của thị trường.

Để bổ sung cho dịch vụ của mình, chúng tôi còn thiết kế và sản xuất tất cả các hệ thống phụ trợ cần thiết như bồn chứa chất lỏng chắn, van, bộ trao đổi nhiệt, máy phát và đèn báo, lựa chọn các linh kiện từ những nhà cung cấp nổi tiếng nhất, một số trong đó thuộc tập đoàn công nghiệp của chúng tôi.

PHỐT CƠ HỌC CHO NHIỀU ỨNG DỤNG

O Chúng tôi cung cấp một trong những danh mục phốt cơ khí lớn nhất thế giới, đáp ứng hầu hết mọi ứng dụng.

các thành phần và OEM của các thiết kế phổ biến nhất, phốt hộp mực theo tiêu chuẩn EN, ISO, JIS hoặc ANSI, phốt ống thổi kim loại, cho bồn đặc, khí, cho máy khuấy. Điều gì làm cho chúng tôi trở nên độc đáo trong thị trường là của **nó khả năng tạo ra giải pháp phù hợp** Cũng vậy, **Vì số lượng Rất bé nhỏ:** cái yêu cầu của người dùng

sản phẩm cuối cùng của ngày hôm nay trở thành của chúng tôi sản phẩm của ngày mai.



MÔ-ĐUN HỆ THỐNG

M Hệ thống odular là dòng phốt hộp mực

Bằng cách sử dụng cùng một bộ phận để lắp ráp nhiều mẫu khác nhau, chúng tôi có thể cung cấp bất kỳ kích thước và vật liệu phốt tiêu chuẩn nào với dịch vụ giao hàng ngay lập tức. Đồng thời, các thành phần mô-đun cho phép người dùng cuối giảm lượng phụ tùng dự trữ, vì cùng một bộ dụng cụ sửa chữa có thể được áp dụng cho nhiều mẫu phốt có cùng kích thước.

ĐÓNG GÓI VÀ ĐỆM

P chúng tôi sản xuất một loạt các miếng đệm phẳng và các miếng đệm bện hoặc có thể tiêm

từ graphite đến sợi aramid hoặc PTFE hai trục. Các vật liệu đóng gói bện bao gồm hơn 40 mẫu khác nhau để đáp ứng nhiều ứng dụng nhất có thể.



HỆ THỐNG SỬA CHỮA CHO ĐƯỜNG ỐNG ÁP SUẤT

L và rò rỉ đường ống luôn là vấn đề lớn đối với các ngành công nghiệp trong mọi lĩnh vực. Chúng tôi đã phát triển một dòng hoàn chỉnh của

từ đường ống mà không cần phải ngắt đường ống. Bằng keo Seal-Tex và Self-Seal, cùng với keo dán GF-HD và Leak-3, đã mang lại hiệu quả tiết kiệm vượt ngoài sức tưởng tượng tại một số nhà máy điện và nhà máy lọc dầu lớn, và hiện là một phần trong thiết bị khẩn cấp bắt buộc của họ. Seal-Tex được chứng nhận theo tiêu chuẩn ASME PCC-2/2008.

BẢO TRÌ CÔNG NGHIỆP CÁC SẢN PHẨM

Tất cả các chất bôi trơn, lớp phủ, chất tẩy rửa và hợp chất gồm đều có một đặc điểm chung: chúng là

rằng một hiệu quả chương trình bảo trì không thể thực hiện được không có sản phẩm hiện đại, hiệu quả đáp ứng hoặc vượt quá hiện tại quy định về môi trường. Tất cả các sản phẩm là Sản phẩm là Sản xuất tại Ý

theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt nhất

an toàn và là công cụ hoàn hảo để tạo ra giá trị trong bảo trì nhà máy.



HỆ THỐNG

KHÔNG MẤT MẤT

L ĐẾN đóng gói tiêm, được gọi là Hệ thống

nhồi hộp mà không cần tháo rời van hoặc máy bơm, và là sản phẩm duy nhất cùng loại được làm từ 90% sợi nguyên chất và không giống như các sản phẩm tương tự khác có sẵn trên

thị trường, không được sản xuất bằng sợi tái chế. Việc tiết kiệm về rò rỉ, giờ làm việc và thời gian ngừng hoạt động của nhà máy khiến SPZ trở thành hệ thống niềm phong lý tưởng cho các hoạt động liên tục.

PHỦ MẶT KIM LOẠI “KHÔNG TAY”

KIẾU 600SL

Hỏi

Thiết kế mang tính cách mạng này là kết quả của quá trình nghiên cứu chuyên sâu nhất về hệ thống niêm phong và tạo nên sự đổi mới thực sự đầu tiên trên thị trường niêm phong trong nhiều năm.

Còn đến nay, tất cả các phốt cơ khí hộp mực đều được thiết kế với một ống lót tích hợp a. Thiết kế mang tính cách mạng của Style 600SL cho phép lắp đặt trên máy bơm ở vị trí trước đó Người ta cho rằng không thể lắp phốt cơ khí. Thiết kế không tay áo cũng cho phép dung sai lớn hơn đối với sự sai lệch trục. 600SL là phốt hộp mực đầu tiên kết hợp phần mở rộng thuôn nhọn của hộp nhồi, cho phép cải thiện đáng kể tuổi thọ hoạt động của phốt trong ứng dụng bùn và chất lỏng tích điện. Không có bộ phận nào bên trong hộp nhồi, các hạt chất lỏng rắn có không gian để lưu thông và không lắng đọng trên các mặt bịt kín. Phốt này có mặt bích với kết nối xả và các mặt bịt kín lớn làm bằng vật liệu thiêu kết gắn trên các chất đàn hồi linh hoạt, cũng hoạt động như bộ giảm xóc.

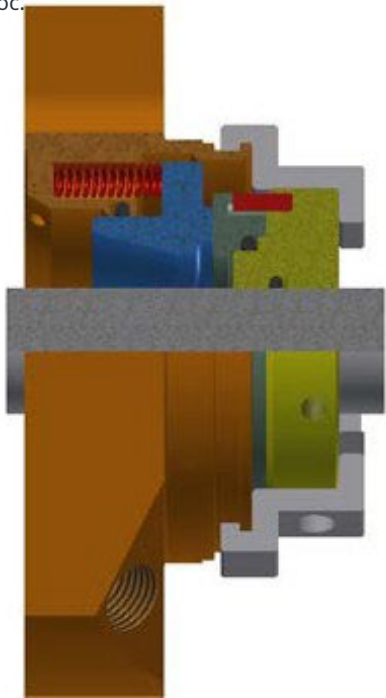
sốc, và cung cấp độ tin cậy cao hơn trong điều kiện vận hành khắc nghiệt nhất.

Máy Style 600SL mang lại cho người dùng những lợi ích cụ thể về mặt tiết kiệm chi phí mua phốt, phụ tùng thay thế và thời gian ngừng máy.

BẢNG SÁNG CHẾ: EU1370506

Nguyên vật liệu		Dữ liệu kỹ thuật	
Các bộ phận kim loại	AISI316L Tiêu chuẩn DIN 1.4571*	Áp lực	Chân không 700 mm Hg ÷ 3.5 MPa**
Chất đàn hồi	FKM - EPDM - FFKM - FEPM - TTV	Nhiệt độ	Giới hạn đàn hồi thứ hai. FKM: +205°C EPR: +150°C FFKM: +315°C
Khuôn mặt của leo	A - B - Q1 - Q2 - U2	Tốc độ	25 m/giây 4920 FPM tùy thuộc vào vật liệu khuôn mặt bò
lò xo	Hastelloy* C - 276 Tiêu chuẩn DIN 2.4819	Kích thước	25-100mm ***

* Các vật liệu khác có sẵn theo yêu cầu **Dựa trên kích thước và tốc độ trục ***Kích thước khác có sẵn theo yêu cầu



KIẾU 600SL

Chất đàn hồi động trên bề mặt thiêu kết không có ma sát

Mặt cố định cân bằng thủy lực nguyên khối, hình dạng thon gọn để có khả năng chịu sai lệch và tắc nghẽn tốt hơn

Không có bộ phận nào bên trong hộp nhồi

Mặt bích có hộp nhồi hình nón tích hợp và kết nối xả

Mặt xoay nguyên khối lớn

Chất đàn hồi tĩnh có chức năng chống sốc

Kích thước cực kỳ nhỏ gọn



KIẾU 600SL

PHỦ MẶT KIM LOẠI “KHÔNG TAY”

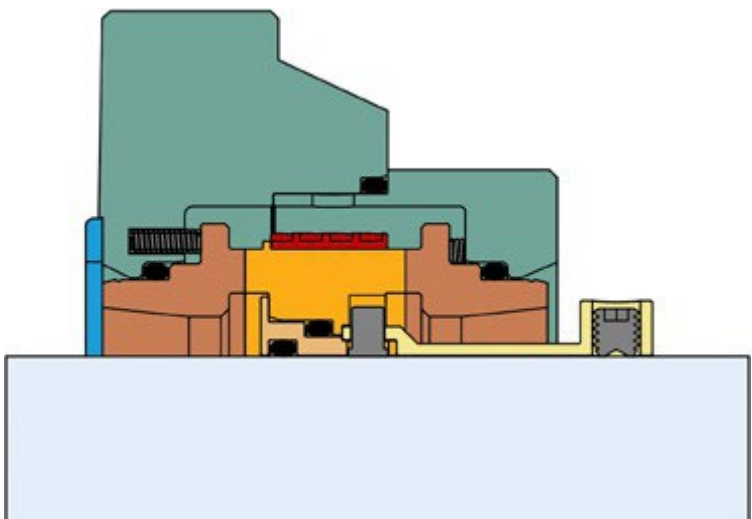
KIẾU DFS 606

Phốt cơ khí kép được thiết kế mới tận dụng tối đa công nghệ được phát triển cho phốt Style 600SL và tăng cường ứng dụng cũng như hiệu suất của phốt.

Phong cách 606 kết hợp **phần mở rộng hình nón của hộp nhồi** để đảm bảo MTBF dài nhất có thể trong những ứng dụng đòi hỏi khắt khe nhất và bề mặt của nó được sản xuất bằng công nghệ FEA tiên tiến nhất.

Bất động sản có sẵn trong hai phiên bản: **606SL, với nhiều lò xo bên ngoài chất lỏng**, nó cực kỳ nhỏ gọn nhưng có thể chịu được độ lệch hướng tâm lên tới 5° và **606-3D với lò xo đơn** cái mà cho phép hấp thụ độ rơi trục lên đến ±10 mm, tùy thuộc vào đường kính trục.

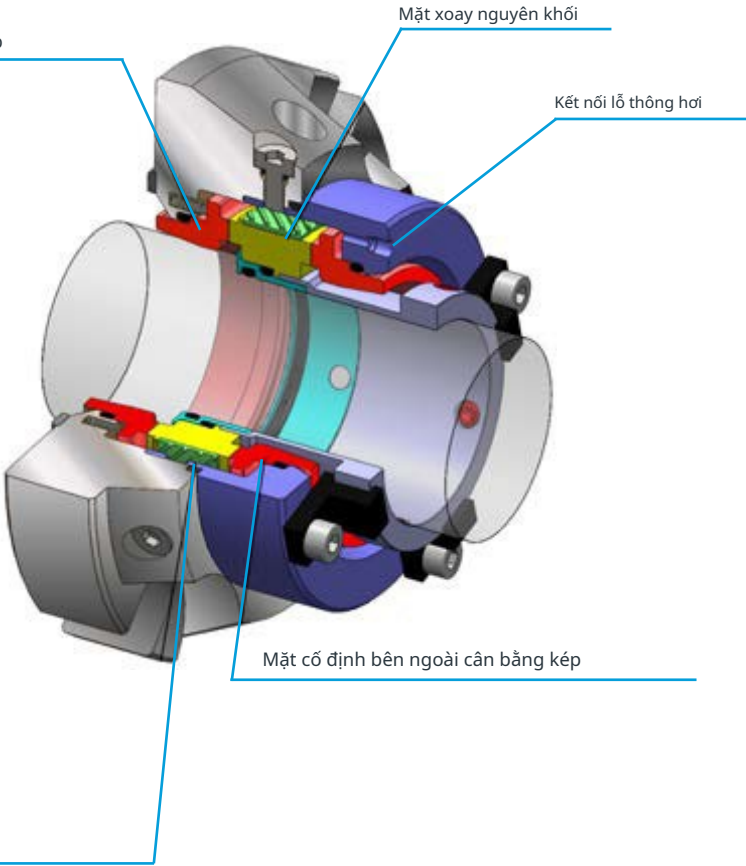
Được trang bị vòng bơm tiêu chuẩn, Style 606 có thể **được cài đặt trên bất kỳ ứng dụng nào** bao gồm máy bơm công suất lớn, lò phản ứng và máy khuấy.



KIẾU DFS 606



KIẾU DFS 606

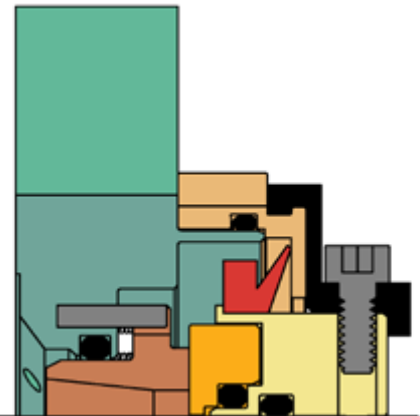


PHỦ MẶT KIM LOẠI “KHÔNG TAY”



600Q / 600FX

Hải lý biến thể này bao gồm hai kết nối bổ sung để làm nguội và xả. Kiểu 600Q được trang bị một phốt môi chống rò rỉ đập tắt liên tục (Kế hoạch 62), trong khi ở Style 600FX, không có phốt môi được thay thế bằng ống lót dung sai thấp có thể được sử dụng cho đập tắt không liên tục và thu hồi tổn thất (Kế hoạch 65). Đặc biệt thích hợp cho quá trình kết tinh và trùng hợp chất lỏng, trong đó việc kiểm soát môi trường bên ngoài bề mặt bịt kín là điều cần thiết.



Kiểu 600 Q



600 hải lý

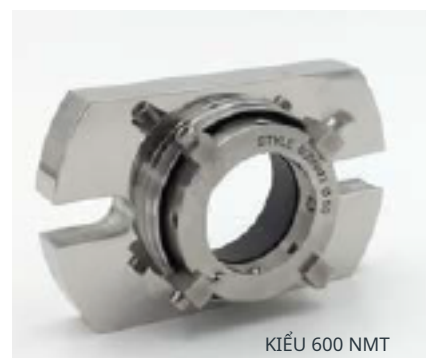
Phủ cho tất cả các ứng dụng trên hóa chất gây hại, Kiểu 600NMT là một giải pháp thay thế hiệu quả và hiệu quả hơn hợp kim kỳ lạ như Super Duplex hoặc Hastelloy C276, bị đánh bại hoàn toàn bởi sản phẩm mang tính cách mạng này thiết kế trong đó các bộ phận tiếp xúc với chất lỏng đều được làm bằng silicon carbide thiêu kết alpha, đảm bảo khả năng chống hóa chất hoàn toàn và tăng khả năng hoạt động chống lại chất lỏng mài mòn, tất cả chỉ với một phần nhỏ chi phí. Công nghệ NMT cũng có thể được áp dụng cho các loại phốt cơ khí khác trong dòng sản phẩm Sleeveless.

Kiểu 606NMT là loại phốt kép được sản xuất riêng cho hóa chất mạnh và nguy hiểm, trong khi Style 600HD-NMT

Đó là giải pháp dứt điểm cho các loại bùn có tính mài mòn cao thường thấy trong ngành khai thác mỏ và giấy.



Kiểu 600 NMT

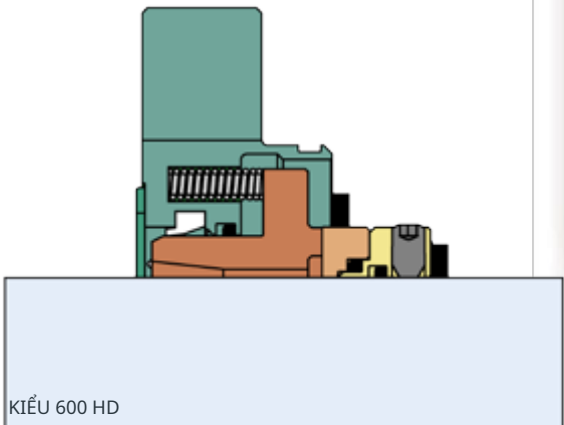


Kiểu 600 NMT

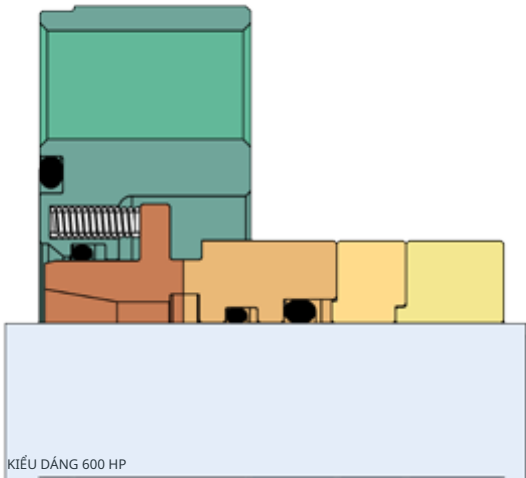
PHỦ MẶT KIM LOẠI “KHÔNG TAY”



Kiểu 600 HD



Kiểu 600 HD



Kiểu DẮNG 600 HP



Kiểu DẮNG 600 HP

THE **600 Độ nét cao**
tyle 600H là một biến thể mạnh hơn của bản gốc
Con dấu không tay, được thiết kế đặc biệt cho ứng dụng
bàn đặc nặng đòi hỏi lớp đệm chắc chắn để chịu được lực
khả thi va đập cơ học lớn.

Chốt chống xoay và kéo quá khổ cung cấp khả năng chống mô-
men xoắn tăng lên và nhiều lò xo thoát ra khỏi chất lỏng cũng
được mở rộng. Với việc bổ sung vòng làm nguội bên ngoài mang
tính cách mạng, phớt có thể nhanh chóng thích ứng với các ứng
dụng trên chất lỏng kết tinh hoặc trùng hợp.

600 mã lực
V máy nén khí cho các ứng dụng áp suất cao, có khả năng chịu
được môi trường làm việc lên tới 100 bar. Hình dạng đặc biệt
của các mặt trượt được thiết kế bởi các hệ thống FEM tiên
vớ hầu hết tiến cho phép vận hành an toàn ở áp suất rất cao mà không
bị biến dạng và với các hệ số PV cực đại. Nhờ thiết kế đặc biệt và sử
dụng vật liệu tiên tiến để giảm tải và ma sát của các mặt, nó có thể
được lắp đặt thành công trên máy bơm cấp liệu nổi hơi, máy tăng áp,
máy đùn và thiết bị hydrocracking.

PHỦ MẶT KIM LOẠI KHÔNG ỒNG TAY

Kiểu Dáng 688 Split Seal

Trong khi vẫn duy trì những ưu điểm tương tự tạo nên Style 600SL, Kiểu 688 cung cấp khả năng lắp đặt dễ dàng vô song cho các ứng dụng mà phốt cơ khí tách rời được ưa chuộng. Sau hai nửa được lắp ráp sẵn họ đoàn kết, cần phải có hành động tiếp theo, do đó giảm đáng kể khả năng xảy ra lỗi do cài đặt. Kiểu 688 cũng có sẵn cấu hình bán tách rời để có hiệu suất vượt trội, với mặt bích một mảnh tiêu chuẩn và các bộ phận tách rời có thể hoán đổi cho nhau.

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	Tối đa 2,5 MPa* (362 PSI)
Nhiệt độ	Tối đa 120°C (248°F)
Tốc độ	Tối đa 20 m/s (44,74 dặm/giờ)

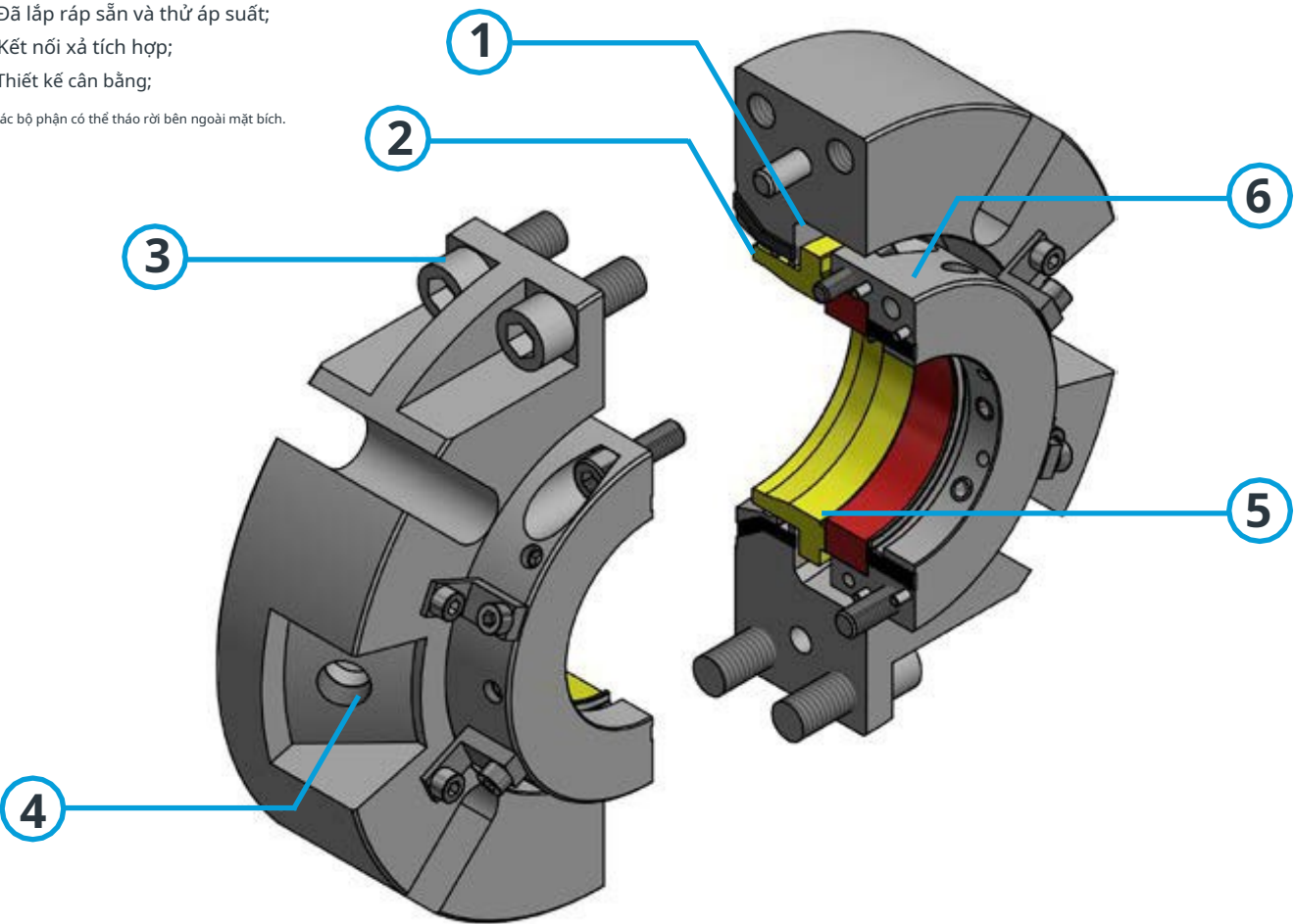
* Giới hạn áp suất thực tế có thể thay đổi tùy thuộc vào kích thước trục, chất lỏng quy trình và vật liệu mặt phốt.



Kiểu 688 TÁCH

HUYỀN THOẠI:

- 1Chảy ra từ chất lỏng;
- 2Mặt hình nón cố định;
- 3Đã lắp ráp sẵn và thử áp suất;
- 4Kết nối xả tích hợp;
- 5Thiết kế cân bằng;
- 6Các bộ phận có thể tháo rời bên ngoài mặt bích.



MẶT KIM CƯƠNG

CÔNG NGHỆ PHỦ KIM CƯƠNG

Các mặt trượt kim cương cung cấp hiệu suất vượt trội hơn nhiều so với các vật liệu khác về mặt ma sát, sinh nhiệt và tản nhiệt, hấp thụ năng lượng và **khả năng chịu đựng khi chạy khô**.

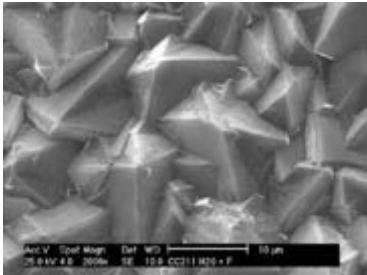
Mặc dù không được thiết kế để chạy khô liên tục trong thời gian dài, nhưng bề mặt kim cương loại bỏ hoàn toàn nguy cơ hư hỏng phốt do thiếu bôi trơn tạm thời trong thời gian ngắn.

hạn. Các đặc tính tribological của chúng đảm bảo một **tiết kiệm năng lượng**, với những tác động đáng kể

về tác động kinh tế và môi trường của các hoạt động công nghiệp. Những khoản tiết kiệm như vậy

Chúng thường đạt tới 50% tổng mức tiêu thụ năng lượng của toàn bộ khu điện trang.

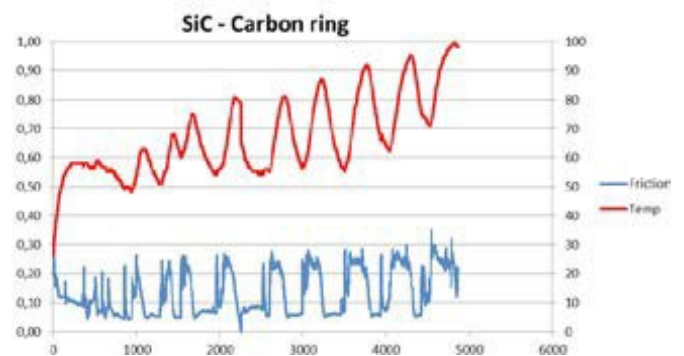
Trong khi mặt kim cương ngày càng được người dùng tin tưởng, không phải tất cả các lớp phủ đều được tạo ra như nhau. Chúng tôi tự hào cung cấp **Hỗ trợ kỹ thuật đầy đủ** trong việc lựa chọn lớp phủ phù hợp nhất cho từng ứng dụng, để luôn cung cấp giải pháp hiệu quả nhất. Một số ví dụ về các loại lớp phủ khác nhau bao gồm:



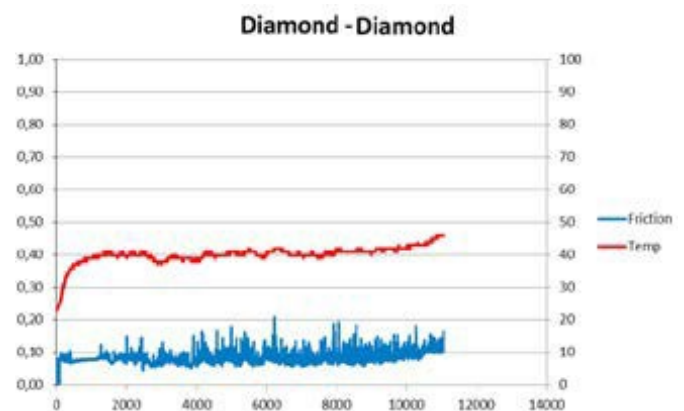
Kim cương đa tinh thể
(kính hiển vi điện tử).



- **LỚP PHỦ CHUẨN**– Một lớp kim cương CVD (phủ hơi hóa học) dày 8μm cung cấp **giải pháp tối ưu để tối ưu hóa chi phí**. Lớp phủ tiêu chuẩn có thể được kết hợp với các vật liệu khác để giảm ma sát với chi phí rất ưu đãi.
- **LỚP PHỦ NẶNG**– Lớp kim cương đa tinh thể 16μm hoặc 24μm, hoàn hảo cho **bùn có độ nhớt thấp sẽ cung cấp**, Thông thường, việc bôi trơn phốt không đủ mà không cần phải xả nhiều tổn kém. Tuyệt vời cho ngành khai thác mỏ và giấy.
- **LỚP PHỦ BÓNG**– Bề mặt nhẵn hơn đảm bảo độ phẳng tốt hơn của các mặt. Lớp phủ này làm giảm hệ số ma sát của tài sản **hoạt động chống lại chất lỏng có độ nhớt cao**, chẳng hạn như nước nóng hoặc hydrocarbon dễ cháy, có thể gây ra tổn thất không thể chấp nhận được đối với các loại kim cương khác.
- **LỚP PHỦ VÔ HÌNH**– trong khi các loại lớp phủ khác cần có một lớp nền silicon carbide thiêu kết, công nghệ này cho phép ứng dụng kim cương trên cacbua vonfram, khi cần khả năng chống chịu cơ học của nó **kết tinh và trùng hợp chất lỏng trong các hoạt động theo mẻ**.



Bề mặt niêm phong phủ kim cương CVD, quan sát sau 10 giờ chạy khô ở tốc độ 1500 vòng/phút.



API SEALS Loại A Sắp xếp 1

Kiểu API 750 Loại A, Sắp xếp 1

- API Kiểu 750 có thiết kế phốt Kiểu 550 đã được chứng minh và đáng tin cậy, với hộp mực và ổ cắm tuân thủ tiêu chuẩn API 682.
- Nhiều lò xo được bảo vệ bằng chất lỏng và vòng đệm chữ O động chống mài mòn hoạt động trên mặt đệm.

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	40 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	18 m/giây
Tính năng đặc biệt	Ống lót cố định hoặc nổi

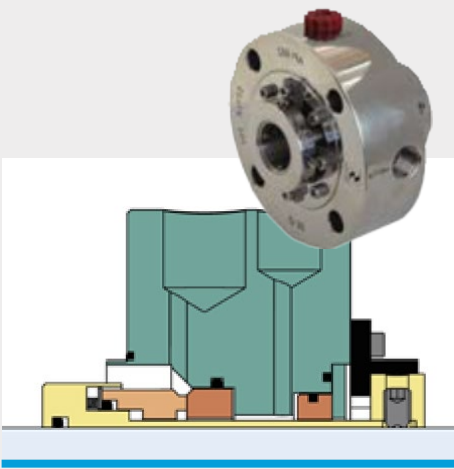


API Kiểu 701 Loại A, Sắp xếp 1

- Phốt quay đơn theo tiêu chuẩn API682 dành cho ứng dụng chất lỏng sạch.
- Có sẵn với thiết kế mặt chịu áp lực trung bình (Kiểu 702) và cao (Kiểu 703).
- Được trang bị ống lót cố định hoặc nổi.

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	Lên đến 21 bar (702: 42 bar; 703: 70 bar)
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	25 m/giây
Tính năng đặc biệt	Vòng bơm có sẵn cho các ứng dụng với Plan 23 (701P)

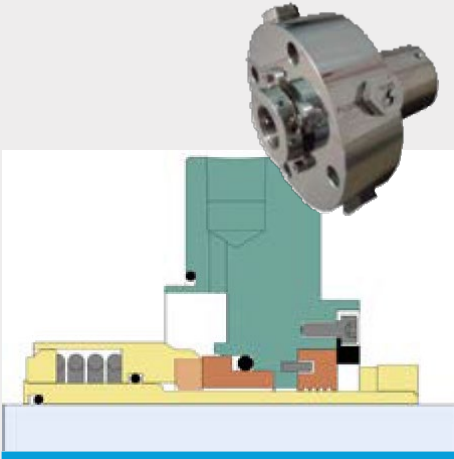


Kiểu API 730 Loại A, Sắp xếp 1

- Phốt đơn theo tiêu chuẩn API682, với lò xo đơn không phụ thuộc vào hướng quay.
- Được trang bị ống lót cố định hoặc nổi.

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	Lên đến 70 bar
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	23 mét/giây
Tính năng đặc biệt	Vòng bơm có sẵn cho các ứng dụng với Plan 23 (730P)



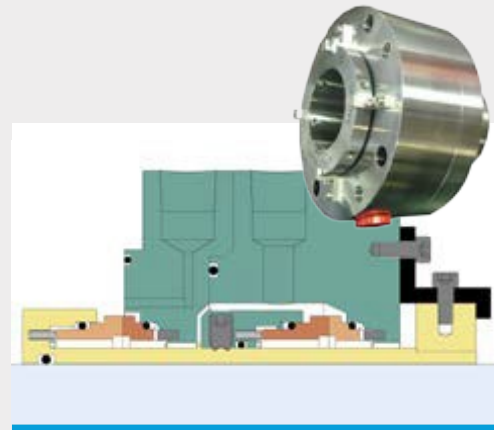
API SEALS Loại A Sắp xếp 2, 3

KIẾU 755 API LOẠI A, SẮP XẾP 2 VÀ 3

- Phốt quay kép theo tiêu chuẩn API682
- Nhiều lò xo được bảo vệ bằng chất lỏng
- Vòng đệm chữ O động chống mài mòn hoạt động trên mặt đệm.

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	40 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	18 mét/giây
Tính năng đặc biệt	Được trang bị vòng bơm bên trong

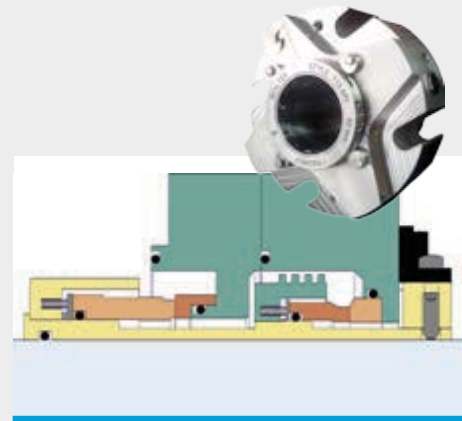


API KIẾU 711 LOẠI A, SẮP XẾP 2 VÀ 3

- Phốt quay kép theo tiêu chuẩn API682 dành cho ứng dụng chất lỏng sạch.
- Có sẵn với thiết kế mặt chịu áp lực trung bình (Kiểu 712) và cao (Kiểu 713).
- Được trang bị vòng bơm bên trong để chứa chất lỏng chặn.

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	Lên đến 305 PSI (712: 42 bar; 713: 70 bar)
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	25 mét/giây
Tính năng đặc biệt	Vòng bơm có sẵn cho các ứng dụng với Plan 23 (711P)

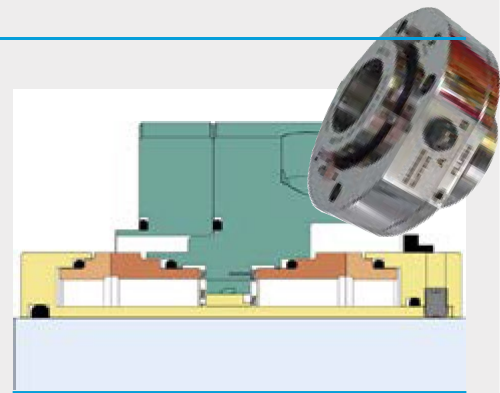


API KIẾU 777 LOẠI A, SẮP XẾP 2 VÀ 3

- Phốt kép cố định theo tiêu chuẩn API682 với nhiều lò xo được bảo vệ khỏi chất lỏng.
- Thiết kế đối xứng giúp kéo dài tối đa tuổi thọ của phốt.

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	Chân không 700 mm Hg ÷ 25 Kg/cm ²
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	25 mét/giây
Tính năng đặc biệt	Được trang bị vòng bơm bên trong



Có thể cung cấp loại phốt đơn B và loại phốt đơn C theo yêu cầu.

Để biết thêm thông tin, vui lòng xem danh mục.

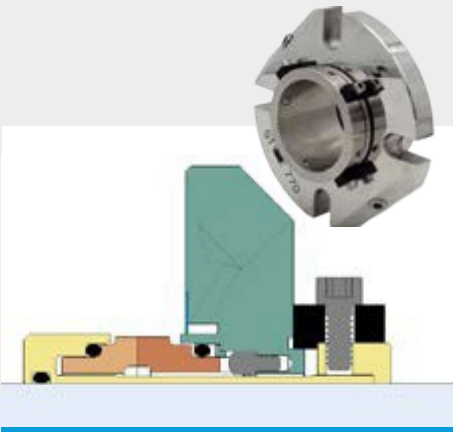
HỆ THỐNG HỘ MỰC MODULA

KIỂU 770CON DẤU MỰC ĐƠN

- Cân bằng
- Văn phòng phẩm
- Mặt bích tiêu chuẩn
- Các phụ tùng thay thế giống như các loại phớt Hệ thống Mô-đun khác

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	0,9 ÷ 25 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	25 m/giây

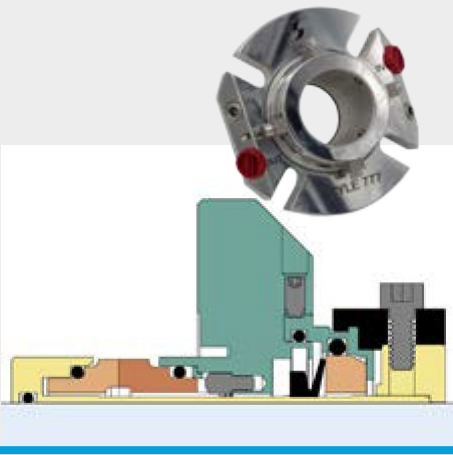


KIỂU 777SOCON DẤU MỰC ĐƠN VỚI DẦU ...A

- Cân bằng
- Văn phòng phẩm
- Mặt bích tiêu chuẩn
- Các phụ tùng thay thế giống như các loại phớt Hệ thống Mô-đun khác
- Phớt môi để làm nguội liên tục không thấm nước

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	0,9 ÷ 25 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	25 m/giây

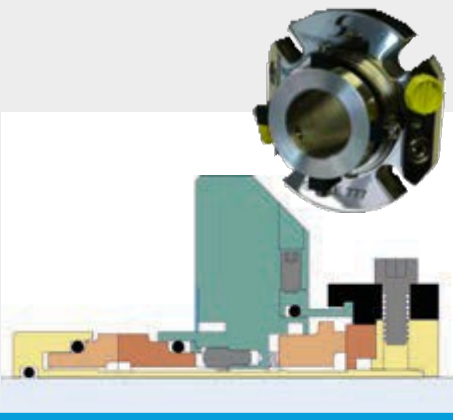


KIỂU 777SWCON DẤU HỘ MỰC KÉP

- Cân bằng
- Văn phòng phẩm
- Mặt bích tiêu chuẩn
- Các phụ tùng thay thế giống như các loại phớt Hệ thống Mô-đun khác

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	0,9 ÷ 25 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	25 m/giây



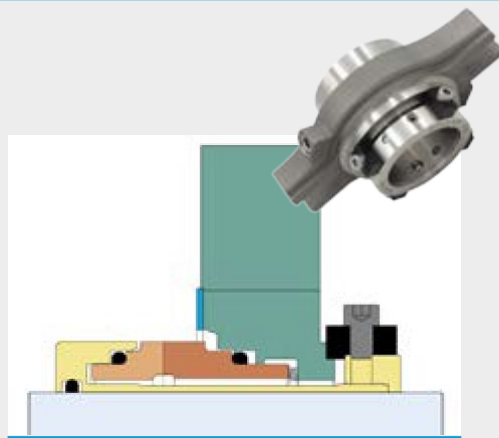
HỆ THỐNG HỘ MỰC MODULA

KIỂU 670 CON DẤU MỰC ĐƠN

- Cân bằng
- Vận phòng phẩm
- Giảm bích
- Các phụ tùng thay thế giống như các loại phớt Hệ thống Mô-đun khác

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	0,9 ÷ 25 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	25 m/giây

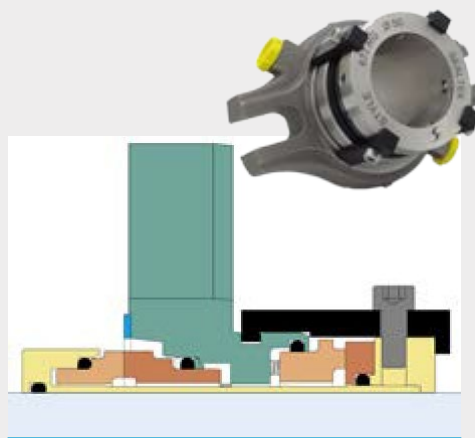


KIỂU DÁNG 677RG CON DẤU HỘ MỰC KÉP

- Cân bằng
- Vận phòng phẩm
- Giảm bích
- Các phụ tùng thay thế giống như các loại phớt Hệ thống Mô-đun khác

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	0,9 ÷ 25 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	25 m/giây

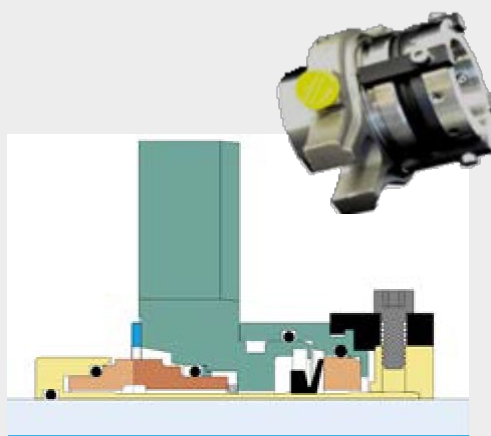


KIỂU 677SO CON DẤU MỰC ĐƠN VỚI DẦU ... 2 2 A

- Cân bằng
- Vận phòng phẩm
- Mặt bích giảm
- Cùng phụ tùng thay thế như các phớt Hệ thống Mô-đun khác Phớt
- môi để làm nguội liên tục không thấm nước

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	0,9 ÷ 25 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	25 m/giây



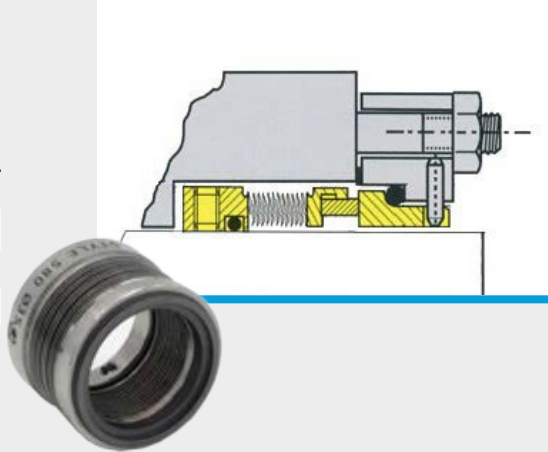
BƠI KIM LOẠI

KIẾU 580 PHỦ THÀNH PHẦN VỚI ỐNG BƠI KIM LOẠI

- Ống thổi kim loại trong AM350.
- Có sẵn với ống thổi và vòng chứa trong C276 (Kiểu 581)
- Có sẵn với vòng đệm AISI 316 và ống thổi Hastelloy C (Kiểu 582).

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	40 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	15 m/giây
Vật liệu ống thổi	T6

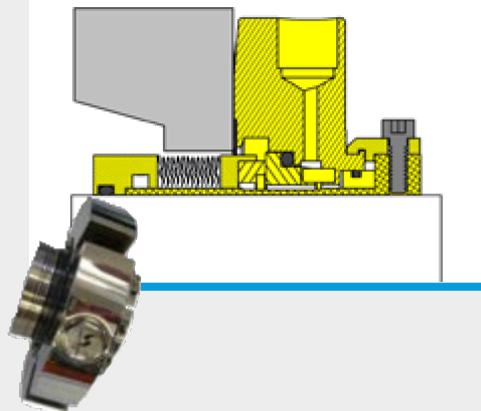


KIẾU 780 PHỦ MỰC ĐƠN CÓ ỐNG BƠI KIM LOẠI

- Sván phòng bằng kim loại có nhiều loại vật liệu khác nhau.
- Có sẵn với ống thổi cố định (Kiểu 784),
- Có sẵn với phốt môi để làm nguội kín nước (Kiểu 780Q) hoặc với Ống lót hạn chế (Kiểu 780FB).

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	25 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	20 m/giây
Vật liệu ống thổi	G-T6-T1-M5

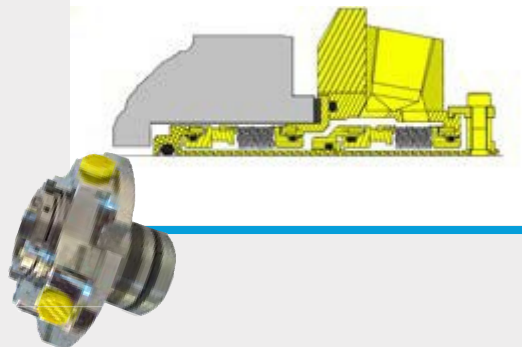


KIẾU 788 PHỦ KÉP MỰC CÓ ỐNG BƠI KIM LOẠI

- Ống thổi kim loại có nhiều loại vật liệu khác nhau.
- Có sẵn ống thổi cố định (Kiểu 787).

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	21 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	25 m/giây
Vật liệu ống thổi	G-T6-T1-M5



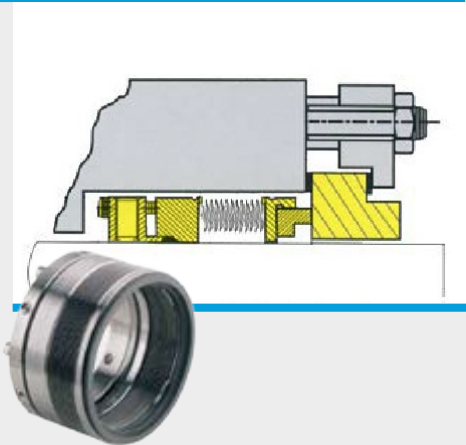
BƠI KIM LOẠI CÓ THAN CHÌ

KIẾU 590 PHỦ THÀNH PHẦN VỚI ỐNG KIM LOẠI XOAY

- Dùng cho các ứng dụng nhiệt độ cao hoặc đông lạnh:
- Phốt thứ cấp bằng than chì.
- Có sẵn chốt lái và ống thổi sóng đôi chịu áp suất cao (Kiểu 591)

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	590: 30 thanh – 591: 50 thanh
Nhiệt độ	380°C
Tốc độ	590: 20 m/giây – 591: 15 m/giây
Vật liệu ống thổi	590: T6 – 591: T6 sóng đôi

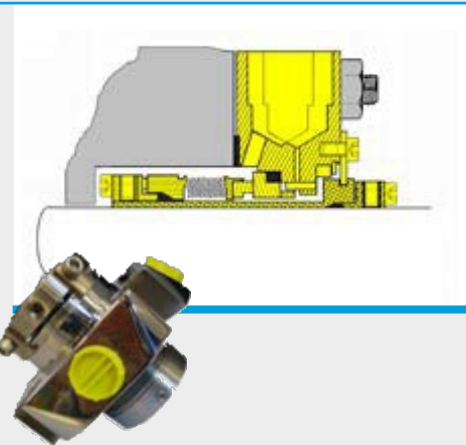


KIẾU 790 PHỦ MỰC ĐƠN CÓ ỐNG BƠI KIM LOẠI

- Ống thổi kim loại có nhiều loại vật liệu khác nhau.
- Phốt than chì thứ cấp.
- Có sẵn với ống thổi cố định (Kiểu 794)
- Có sẵn với phốt môi để làm nguội không thấm nước (Kiểu 790Q) hoặc với ống lót hạn chế (Kiểu 790FB).

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	21 bar (Sóng đôi: 65 bar)
Nhiệt độ	- 60°C ÷ +450°C
Tốc độ	25 m/giây
Vật liệu ống thổi	G-T6-T1-M5

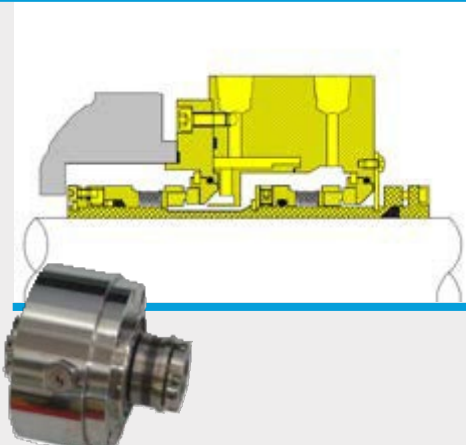


KIẾU 798 PHỦ KÉP MỰC CÓ ỐNG BƠI KIM LOẠI

- Ống thổi kim loại có sẵn trong nhiều loại vật liệu. Phốt
- thứ cấp bằng than chì.
- Có sẵn ống thổi cố định (Kiểu 797).

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	21 bar (Sóng đôi: 65 bar)
Nhiệt độ	- 60°C ÷ +450°C
Tốc độ	25 m/giây
Vật liệu ống thổi	G-T6-T1-M5



PHỦ CHO MÁY TRỘN VÀ TÙY CHỈNH

PHỐT CƠ KHÍ CHO MÁY TRỘN

S hã y phát triển một **hiều loại phốt cơ khí** cho máy trộn và máy khuấy, tận dụng công nghệ của mình để cung cấp các giải pháp sáng tạo cho các ứng dụng đòi hỏi khắt khe nhất: phốt **cho máy trộn** họ nổi bật cho do khả năng chịu đựng rất cao của chúng đối với sự sai lệch trục và khả năng chống chạy khô tốt hơn do **vật liệu thế hệ mới nhất được sử dụng cho bề mặt bịt kín**.

Phốt máy trộn có thể được sản xuất theo tiêu chuẩn DIN 28138 và có thể được lắp đặt trong lò phản ứng thép theo DIN 28136 hoặc mặt bích lắp theo DIN 28141 và tương thích với trục DIN 28154. Tất cả các mẫu có thể được cung cấp với **bổ sung ổ trục hướng tâm**, và có thể tùy chỉnh để phù hợp với các ứng dụng cụ thể.

PHỐT CƠ KHÍ TÙY CHỈNH

TH Hạng tử đầu tiên của triết lý của chúng tôi là: khách hàng không bao giờ được buộc phải sống với máy bơm của mình. Khi một ứng dụng không thể chấp nhận bất kỳ giải pháp tiêu chuẩn, bộ phận này sẵn sàng sửa đổi các thiết kế hiện có để phù hợp với **yêu cầu cụ thể của khách hàng**, hoặc tạo một mẫu hoàn toàn mới, **bất kể số lượng yêu cầu**.

Đội ngũ đại diện của chúng tôi trên toàn thế giới luôn sẵn sàng hỗ trợ bạn, trực tiếp và hỗ trợ cho mọi ứng dụng, thu thập dữ liệu cần thiết để thiết kế đề xuất tùy chỉnh và hỗ trợ khách hàng cho đến khi tìm ra giải pháp thỏa đáng.



Kiểu 606 3D dành cho máy bơm chân không SCAM.



Kiểu 900, dành cho lò phản ứng.

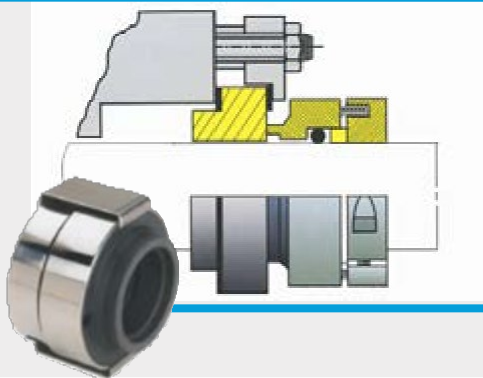
PHỦ THÀNH PHẦN

KIẾU 400 PHỦ BỘ PHẬN BÊN NGOÀI

- Không có bộ phận kim loại nào tiếp xúc với chất lỏng
- Vòng kẹp để lắp vào trục của bất kỳ vật liệu nào
- Khuôn mặt nguyên khối

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	12 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	20 m/giây
Tính năng đặc biệt	Khuôn mặt bò có thể hoán đổi cho nhau

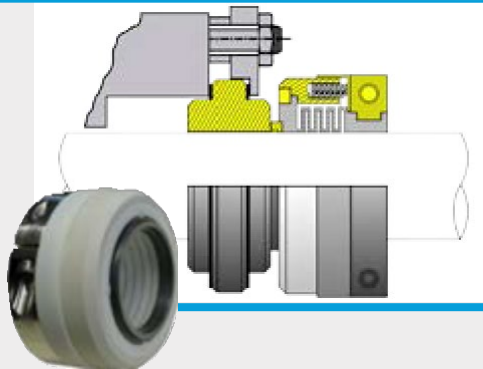


KIẾU 410 PHỦ BỘ PHẬN BÊN NGOÀI VỚI ỐNG BƠM PTFE

- Không có bộ phận kim loại nào tiếp xúc với chất lỏng
- Vòng kẹp để lắp trên trục của bất kỳ vật liệu nào
- Không có vòng đệm động

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	12 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +230°C
Tốc độ	16 m/giây
Vật liệu ống thổi	T

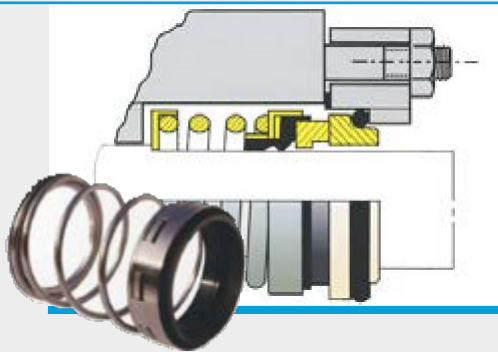


KIẾU 520 PHỦ THÀNH PHẦN VỚI ỐNG GIÓ ĐÀN HỒI

- Không có vòng đệm động
- Khả năng chịu đựng sai lệch tốt hơn
- Không phụ thuộc vào vòng quay của trục

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	12 thanh
Nhiệt độ	- 20°C ÷ +204°C
Tốc độ	10 m/giây
Vật liệu ống thổi	P-E-V

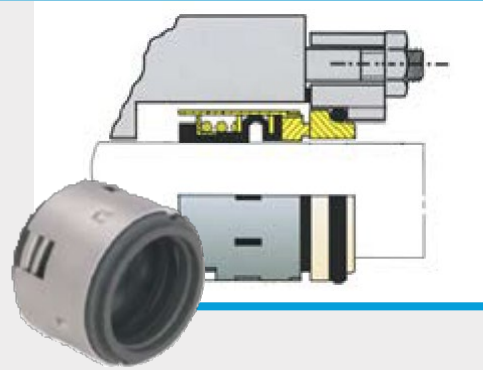


KIẾU 522 PHỦ THÀNH PHẦN VỚI ỐNG GIÓ ĐÀN HỒI

- Không có vòng đệm động
- Chiều dài theo L1K
- Không phụ thuộc vào vòng quay của trục. Ống thổi đàn hồi được bảo vệ bằng thân kim loại

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	15 thanh
Nhiệt độ	- 20°C ÷ +204°C
Tốc độ	13 m/giây
Vật liệu ống thổi	P-E-V



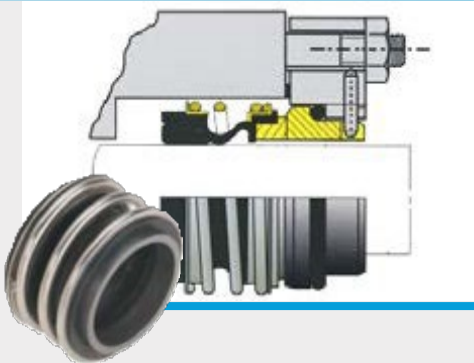
PHỦ THÀNH PHẦN

Kiểu Dáng 523 PHỦ KÍN LINH KIỆN VỚI ỐNG GIÓ ĐÀN HỒI.

- Không có vòng đệm động
- Có sẵn chiều dài theo L1K (Kiểu 524)
- Không phụ thuộc vào sự quay của trục

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	12 thanh
Nhiệt độ	- 20°C ÷ +204°C
Tốc độ	10 m/giây
Vật liệu ống thổi	P-E-V

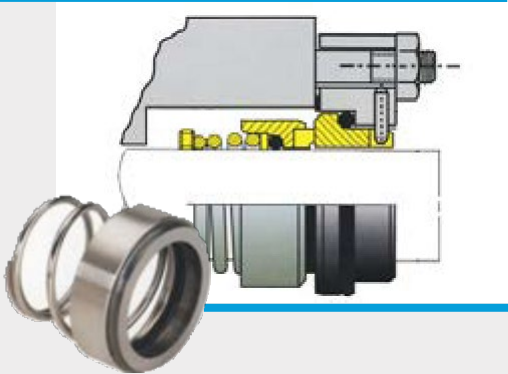


Kiểu 530 PHỦ THÀNH PHẦN Lò XO ĐƠN

- Phụ thuộc vào hướng quay của trục
- Nằm giữ kinh tế cho khối lượng sản xuất cao

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	10 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	10 m/giây

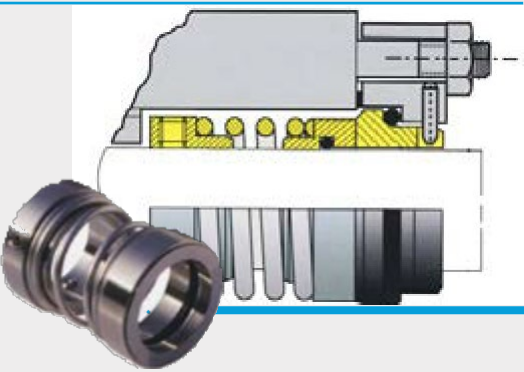


Kiểu 531 PHỦ THÀNH PHẦN Lò XO ĐƠN CHO CÁC ỨNG DỤNG CHỊU LỰC NẶNG

- Không phụ thuộc vào sự quay của trục
- Thiết kế mạnh mẽ với lò xo hình trụ lớn

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	16 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	20 m/giây

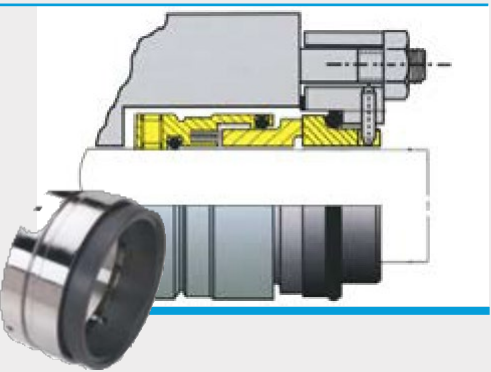


Kiểu 550 PHỐT THÀNH PHẦN CÂN BẰNG VỚI NHIỀU Lò XO

- Cân bằng
- Vòng đệm chữ O động không có tiếng ồn Lò
- xo được bảo vệ bằng chất lỏng
- Mặt niêm phong có thể hoán đổi cho nhau

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	40 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	18 m/giây



PHỤ THÀNH PHẦN & OEM

KIẾU 551 PHỐT THÀNH PHẦN CÂN BẰNG VỚI Lò XO SÓNG

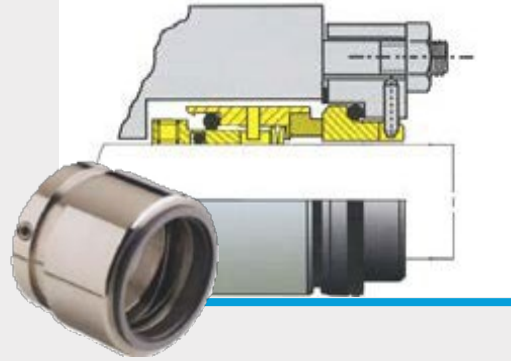
Cân bằng

Chiều dài theo L1K

Lò xo được bảo vệ bằng chất lỏng

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	25 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	15 m/giây

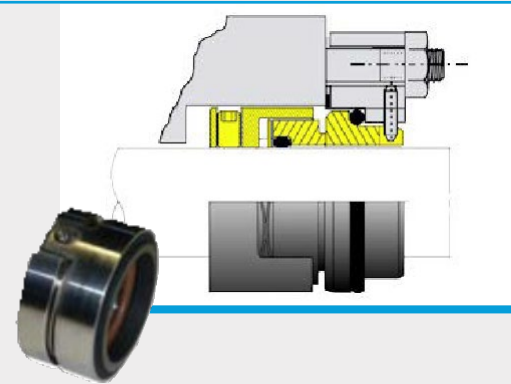


KIẾU 557 PHỐT THÀNH PHẦN Lò XO SÓNG

- Có sẵn phiên bản cân bằng (Kiểu 557B)
- Chiều dài theo L1K
- Mặt niêm phong có thể hoán đổi cho nhau

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	16 thanh
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	20 m/giây
Tính năng đặc biệt	Có sẵn trong cấu hình đôi lưng đối lưng

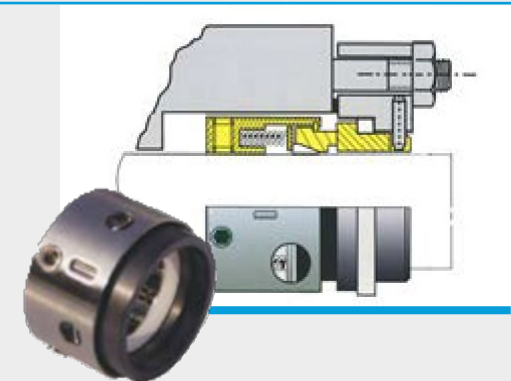


KIẾU 558 PHỐT THÀNH PHẦN CÓ NHIỀU Lò XO

- Có sẵn phiên bản cân bằng (Kiểu 558B)
- Có sẵn với miếng đệm PTFE thay cho vòng chữ O (Kiểu 559 và Kiểu 559B)
- Chiều dài theo L1K
- Mặt niêm phong có thể hoán đổi cho nhau

Dữ liệu kỹ thuật

Áp lực	U = 15 bar; B = 35 bar
Nhiệt độ	- 40°C ÷ +305°C
Tốc độ	20 m/giây
Tính năng đặc biệt	Có sẵn trong cấu hình đôi lưng đối lưng



PHỐT CƠ KHÍ OEM

Schúng tôi phát triển phốt cơ khí với thiết kế cụ thể để lắp đặt trên máy bơm có hộp nhồi không tương ứng với tiêu chuẩn quốc tế, chẳng hạn như Flygt, Grundfos, Fristam, Hidrostal và một số thương hiệu khác. Trong khi các kích thước được thiết kế riêng để phù hợp với các máy bơm cụ thể, vật liệu và thiết kế được lựa chọn để cung cấp một giải pháp thay thế chất lượng cao hơn bản gốc. Để biết thêm thông tin về dòng sản phẩm đầy đủ của OEM seal, hãy liên hệ với nhà phân phối gần nhất.



HỆ THỐNG HỖ TRỢ KÍN

KẾ HOẠCH API 53A

Bể chứa bên ngoài cung cấp chất lỏng chặn áp suất cho phớt cơ khí kép.

Áp suất được thực hiện bằng nguồn nitơ bên ngoài. Phiên bản không áp suất có thể được sử dụng như Kế hoạch 52.

Gói API 53A bao gồm:

- Thùng kiểu 300 hoặc kiểu 300-API
- Cuộn dây làm mát tùy chọn cho nòng súng
- Bộ chuyển đổi mức
- Bộ chuyển đổi áp suất
- Bơm tuần hoàn tùy chọn cho chất lỏng chặn dày hơn
- Đế, ống, van và khớp nối



KẾ HOẠCH API 53B

Bể chứa bên ngoài cung cấp chất lỏng chặn áp suất cho phớt cơ khí kép, dùng cho các ứng dụng áp suất cao.

Sự tăng áp xảy ra thông qua một màng chứa đầy nitơ.

Gói API 53B bao gồm:

- Bộ tích tụ bằng quang kích thước chuẩn API682
- Chỉ số áp suất
- Bộ chuyển đổi áp suất
- Chỉ báo nhiệt độ
- Bơm nạp thủ công
- Ống làm mát bằng nước (Kiểu 342), làm mát bằng không khí (Kiểu 343) hoặc ống có cánh tản nhiệt
- Bơm tuần hoàn tùy chọn cho chất lỏng đặc
- Cấu trúc, ống và phụ kiện



KẾ HOẠCH API 53C

Bể chứa bên ngoài cung cấp chất lỏng chặn áp suất cho phớt cơ khí kép cho các ứng dụng áp suất thay đổi. Quá trình tăng áp được thực hiện thông qua đường dẫn từ hộp nhồi đến bộ tăng áp piston.

Gói API 53C bao gồm:

- Kích thước piston tăng áp theo API682
- Chỉ số áp suất
- Chỉ báo vị trí hoặc mức piston
- Cảm biến vị trí hoặc mức piston
- Bộ chuyển đổi áp suất chênh lệch
- Chỉ báo nhiệt độ
- Bộ trao đổi nhiệt nước (Kiểu 342) hoặc ống có cánh tản nhiệt
- Bơm tuần hoàn tùy chọn cho chất lỏng đặc
- Đế, ống và phụ kiện



KIẾU 300 THÙNG CHẤT LỎNG RÀO CẢN

Thùng chứa chất lỏng chắn kép được sản xuất theo thông số kỹ thuật ASME và PEDE cho các ứng dụng API Plan 53. Kết nối bằng thép không gỉ, đồng hồ đo áp suất bằng thép không gỉ, chỉ báo mức hàn, thủy tinh borosilicate, van an toàn bằng thép không gỉ. Có nhiều loại phụ kiện, bao gồm cuộn làm mát, bộ phận nạp, công tắc mức và biến thể API682.

Dữ liệu kỹ thuật

Thể tích (lít)	5, 7, 9, 12, 18
Áp suất vận hành tối đa	30 thanh
Nhiệt độ hoạt động	- 60°C ÷ 200°C
Vật liệu thân máy	1.4301 (AISI 304), 1.4571 (AISI 316Ti)
Công suất làm mát (cuộn dây)	1,5kW (4kW với tuần hoàn cưỡng bức)



KIẾU 330 THÙNG CHO CÁC ỨNG DỤNG NHẹ

Thùng chứa chất lỏng chắn làm bằng vật liệu tổng hợp. Cực kỳ tiện lợi và hoàn toàn có khả năng bao phủ hầu hết các ứng dụng công nghiệp trong những tình huống không quá mức. Có sẵn bơm dẫn động từ bên trong để lưu thông chất lỏng tốt hơn. Được trang bị tiêu chuẩn với các kết nối nhanh bằng vật liệu tổng hợp, đồng hồ đo áp suất, nhiệt kế và chỉ báo mức, van an toàn và các kết nối cho nhiều phụ kiện khác nhau.

Dữ liệu kỹ thuật

Thể tích (lít)	5, 7, 9
Áp suất vận hành tối đa	10 thanh
Nhiệt độ hoạt động	- 30°C ÷ +70°C
Vật liệu thân máy	PVC, mã SPI = 3
Các bộ phận kim loại	Tiêu chuẩn DIN 1.4301
Chỉ báo nhiệt độ/mức độ	Polycarbonat



KIẾU DẮNG 342 BỘ TRAO ĐỔI NHIỆT

Bộ trao đổi nhiệt làm mát bằng nước, có thể điều chỉnh theo diện tích trao đổi nhiệt, áp suất và khả năng làm mát cần thiết. Chất lỏng chắn nằm bên trong thùng, với nước làm mát bên trong các ống. Nó có thể được cung cấp như một thành phần độc lập hoặc tích hợp vào Plan 21, 22, 23 và 41 hoàn chỉnh.

Dữ liệu kỹ thuật

Vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn DIN 1.4404; 1.4571
Bất động sản	PTFE, FKM, Graphite mở rộng
Khu vực trao đổi nhiệt	0,6m ² (phiên bản tiêu chuẩn)
Khả năng trao đổi nhiệt	36kW (phiên bản tiêu chuẩn)
Nhiệt độ hoạt động	350°C
Áp suất vận hành	16 bar (ống), 50 bar (bên ngoài)



KIẾU 320 MÁY TÁCH CYCLONE

Bộ tách ly tâm để lọc chất lỏng quy trình và tự động chuyển các hạt rắn đến bộ phận hút của bơm. Các bộ phận chống mài mòn bên trong được làm bằng silicon carbide để tăng khả năng chống mài mòn. Có sẵn dưới dạng một thành phần độc lập được tích hợp vào Plan 31 hoặc 41.

Dữ liệu kỹ thuật

Nhiệt độ hoạt động	Lên đến 125°C
Áp suất hoạt động	Lên đến 62 bar
Chênh lệch áp suất	Từ 1,3 đến 8 bar
Vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn DIN1.4404
Chèn vật liệu	Silic cacbua
Bất động sản	FKM



ĐÓNG GÓI BỌC- Tổng quan

“Nếu bạn nghĩ rằng bao bì chất lượng cao là đắt, bạn vẫn phải trải nghiệm xem bao bì chất lượng kém sẽ tốn kém như thế nào.”

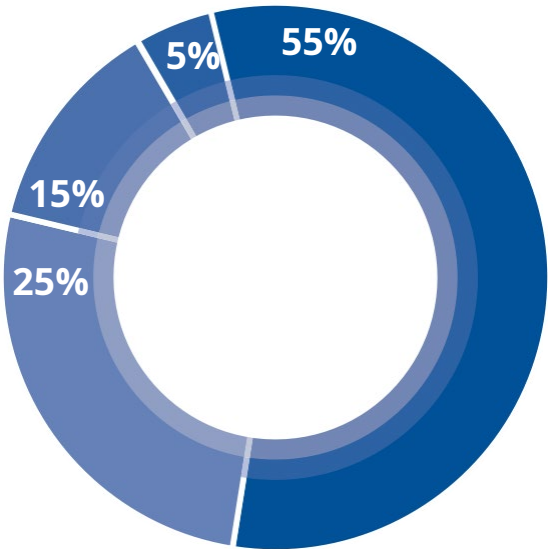
Sợi chất lượng cao từ các nhà cung cấp đáng tin cậy nhất, tấm đúng cách và bện hoàn hảo là những yếu tố chính để sản xuất bao bì hiệu quả và hiệu suất cao. Một số yếu tố có thể tạo nên sự khác biệt giữa **sản phẩm chất lượng có khả năng duy trì toàn bộ chu kỳ sản xuất với mức tiêu thụ vật liệu hạn chế** và một sản phẩm công nghệ thấp mà sau khi giá mua ban đầu thấp gây ra một số chi phí bổ sung trong suốt thời gian hoạt động của nó. Chúng tôi tự hào cung cấp một loạt các bao bì bền, nơi **Mỗi loại riêng biệt đều được đảm bảo đại diện cho trình độ nghệ thuật hiện tại.**

Các vòng đệm có kích thước không đều sẽ tạo ra các vòng quá lớn và quá nhỏ. Ma sát quá mức sẽ xảy ra ở các vòng đệm lớn hơn và rò rỉ nhiều hơn ở các vòng đệm nhỏ hơn, đòi hỏi phải điều chỉnh nhiều hơn và gây ra ứng suất cơ học lớn hơn và tuổi thọ của vòng đệm ngắn hơn.	Một bao bì mật độ được kiểm soát với kích thước vòng đồng đều có thể tối đa hóa tác động bịt kín trong khi giảm thiểu lực nén cần thiết, từ đó tạo ra ma sát ít hơn trên ống lót và ứng suất cơ học thấp hơn trên lớp đệm, kéo dài tuổi thọ hoạt động của nó.
Chất bôi trơn kém chất lượng sẽ làm tăng ma sát, mài mòn ống lót, hấp thụ năng lượng và nhu cầu làm mát.	Chất bôi trơn chất lượng cao làm giảm ma sát và tỏa nhiệt, kéo dài tuổi thọ của bao bì và giảm thiểu nhu cầu làm mát và chi phí năng lượng hấp thụ
Vòng đệm bị hư hỏng nhanh hơn đòi hỏi nhiều giờ làm việc hơn để kiểm soát rò rỉ và có thể gây ra tình trạng ngừng hoạt động ngoài kế hoạch, dẫn đến thời gian chết máy không mong muốn, gây ra thêm chi phí.	Vòng đệm mòn chậm hơn giúp giảm tổn thất và chi phí nhân công khi giám sát máy. Tuổi thọ hoạt động tối đa cho phép hệ thống chỉ dừng lại khi bảo trì theo lịch trình.

Trong khi chi phí liên quan đến việc đóng gói chất lượng có thể duy trì hoạt động trong thời gian dài có thể dễ dàng tính toán được, **Hậu quả của việc bảo trì không theo kế hoạch thường khó dự đoán và định lượng.** Vì chi phí đóng gói sẽ chứng minh là phần nhỏ nhất trong tổng chi phí bảo trì và vận hành của nhà máy, nên có thể thấy rõ cách **các sản phẩm chất lượng cao có thể tránh hoặc giảm thiểu mọi chi phí liên quan khác và có thể nhanh chóng trở thành khoản đầu tư có lợi nhuận trong bất kỳ ứng dụng công nghiệp nào.**

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÓNG GÓI

- Mất 55% sản lượng do máy ngừng hoạt động
- 25% Giá trị của chất lỏng tràn ra
- 15% Chi phí lao động
- 5% Chi phí mua bao bì



ĐÓNG GỐI BỌC

KIỂU 1000

SỢI GRAPHITE ĐA TINH THỂ VỚI LỚP PHỦ PTFE NHẹ

100% sợi than chì tinh thể tổng hợp, được tẩm than chì dạng keo trong dầu tổng hợp.

				Ứng dụng
T°C	- 250 ÷ +650			• Ứng dụng đông lạnh • Máy bơm ly tâm • Ngành công nghiệp hóa chất • Ngành công nghiệp sản xuất điện
Pthanh	80	120	150	
V m/giây	25	10	2	
độ pH	0 ÷ 14			



PHONG CÁCH 1001SỢI CARBOX

Carbon PAN nguyên chất được oxy hóa trước, tẩm than chì dạng keo trên dầu tổng hợp.

				Ứng dụng
T°C	- 50 ÷ +500			• Van cho hơi nước và hydrocarbon nhiệt độ trung bình • Ứng dụng nhiệt độ trung bình động với hơi nước và hydrocarbon
P _{thanh}	40	100	150	
V m/giây	20	2	1	
độ pH	2 ÷ 12			



KIỂU 1001/N SỢI PANOX

Sợi carbon nguyên chất đã được oxy hóa trước, được tẩm hỗn dịch keo PTFE.

				Ứng dụng
T°C	- 40 ÷ +300			• Máy bơm ly tâm và máy bơm pittông • Máy trộn, máy khuấy • Máy sấy • Thân van
Pthanh	80	120	150	
V m/giây	25	10	2	
độ pH	0 ÷ 14			



KIỂU DẮNG 1002SỢI IMX GRAPHITE

99% sợi than chì tổng hợp, được tẩm than chì dạng keo trong dầu tổng hợp (<2%).

				Ứng dụng
T°C	- 80 ÷ +500			• Ứng dụng bơm và van chịu nhiệt độ cao hạng nặng • Chất lỏng hung hăng
Pthanh	25	50	100	
V m/giây	35	4	1	
độ pH	0 ÷ 14			



KIỂU DÁNG 1003SỢI IMX GRAPHITE

96% sợi than chì tổng hợp và 4% hợp kim Inconel, tẩm than chì dạng keo trong dầu tổng hợp (<2%).

			Ứng dụng



KIỂU DÁNG 1009 SỢI COMBIGRAPH

38% sợi than chì tổng hợp và 62% than chì nở, được tẩm chất ức chế ăn mòn phi kim loại.

			Ứng dụng
T°C	- 150 ÷ +650		
P _{thanh}	60	80	150
V m/giây	30	5	1
độ pH	0 ÷ 14		
			Van, máy bơm và piston cho công việc nặng nhọc, nhiệt độ cao và cao áp lực



KIỂU DÁNG 1009XSỢI ULTRAGRAPH

40% lớp lót và góc bằng sợi carbon graphite, 60% băng bền graphite giãn nở, tẩm chất ức chế ăn mòn phi kim loại.

			Ứng dụng
T°C	- 150 ÷ +750		
P _{thanh}	100	150	300
V m/giây	30	10	8
độ pH	0 ÷ 14		
			Máy bơm ly tâm và piston cho các ứng dụng nặng, nhiệt độ cao và áp suất cao



KIỂU 1023TLỚP PHỦ SỢI POLYPROPYLENE VÀ PTFE

Sợi Acrylic được bọc trong sợi PTFE xung quanh lõi silicon. Có thể chịu được việc đóng mở nắp bể nhiều lần.

			Ứng dụng
T°C	- 30 ÷ +160		
P _{thanh}	-	-	20
độ pH	0 ÷ 14		
			- Nắp bồn và cửa sập chính - Kiểm tra và vệ sinh trên tàu chở bất kỳ loại hàng lỏng nào thuộc mọi hạng IMO.



ĐÓNG GÓI BỌC

KIỂU DÁNG 1024 SỢI PTFE NGUYÊN CHẤT

100% PTFE bện theo phương pháp mật độ được kiểm soát chặt chẽ (HCD), tấm bằng chất phân tán PTFE.

				Ứng dụng
T°C	- 240 ÷ +280			- Hóa chất mạnh trên các ứng dụng tĩnh (van, cổng, vòi, nắp, giếng) - Hóa chất mạnh trên máy bơm ly tâm hoặc máy bơm pittông áp suất thấp tốc độ.
P _{thanh}	50	100	500	
V m/giây	2	1	1	
độ pH	0 ÷ 14			



KIỂU DÁNG 1025 SỢI PTFE TINH KHIẾT DÀNH CHO THỰC PHẨM

100% PTFE bện theo phương pháp Mật độ kiểm soát cao, tấm chất bôi trơn cấp thực phẩm. Bện trong phòng sạch.

				Ứng dụng
T°C	- 200 ÷ +280			Ngành công nghiệp hóa chất, thực phẩm và dược phẩm
P _{thanh}	25	100	-	
V m/giây	8	2	-	
độ pH	0 ÷ 14			



KIỂU DÁNG 1026 SỢI META-ARAMID

Sợi meta-aramid dài được dệt bằng phương pháp mật độ kiểm soát cao, tấm 40% PTFE dạng keo.

				Ứng dụng
T°C	- 30 ÷ +300			• Ứng dụng nặng • Ứng dụng giấy và bột giấy yêu cầu bao bì màu trắng, không nhuộm màu
P _{thanh}	60	80	100	
V m/giây	15	5	2	
độ pH	1 ÷ 13			



KIỂU DÁNG 1027 SỢI PHENOLIC KYNOL®

Sợi Phen-Top được dệt bằng phương pháp mật độ kiểm soát cao, tấm PTFE dạng keo và dầu tổng hợp.

				Ứng dụng
T°C	- 80 ÷ +260			• Ứng dụng chung • Ứng dụng giấy và bột giấy yêu cầu bao bì màu trắng, không nhuộm màu
P _{thanh}	30	50	80	
V m/giây	25	12	1	
độ pH	3 ÷ 12			



LOẠI 1028SỢI PTFE NGUYÊN CHẤT

100% PTFE bền mặt độ kiểm soát cao, được tẩm PTFE dạng olloid.

				Ứng dụng
T°C	- 240 ÷ +280			Máy bơm máy ly tâm, máy trộn và lò phản ứng với hầu hết các hóa chất những kẻ kích động,
P _{thanh}	25	50	100	
V m/giây	8	4	2	
độ pH	0 ÷ 14			



KIỂU DÁNG 1028XSỢI PTFE CHO TỐC ĐỘ CAO

100% PTFE giãn nở tinh khiết với chất bôi trơn được bao bọc, tuân thủ quy định FDA CFR 177.550.

				Ứng dụng
T°C	- 100 ÷ +280			Máy bơm ly tâm và máy khuấy trong hóa chất, dược phẩm và thực phẩm các ngành công nghiệp.
Pthanh	20	30	-	
V m/giây	15	2	-	
độ pH	0 ÷ 14			



KIỂU DÁNG 1029SỢI RAMIE

Sợi thực vật có kết cấu và được xử lý, tẩm PTFE dạng keo và dầu tổng hợp.

				Ứng dụng
T°C	- 30 ÷ +140			• Ứng dụng hàng hải (ống lái và người lái) • Ngành công nghiệp bột giấy và giấy
P _{thanh}	20	30	40	
V m/giây	15	6	1	
độ pH	4 ÷ 11			



KIỂU DÁNG 1037SỢI KYNOL®/ARAMID

cấu trúc aramidic, với các góc được gia cố bằng phenolic, tẩm PTFE dạng keo và lõi cao su silicon.

				Ứng dụng
T°C	- 50°C ÷ +200°C			- Máy bơm, máy trộn và máy kết tinh - Ngành công nghiệp đường nặng cỡ lớn - Ngành công nghiệp bột giấy và giấy
Pthanh	35	50	100	
V m/giây	20	15	2	
độ pH	2 ÷ 12			



ĐÓNG GÓI BỌC

KIỂU DÁNG 1040SỢI ARAMID

Sợi aramid dài, được tẩm 20% PTFE dạng keo và dầu tổng hợp.



Ứng dụng

T°C	- 100 ÷ +280			- Bơm ly tâm và bơm piston, van, khớp nối giãn nở - Nước, hơi nước, dung môi, axit, kiềm trung bình/yếu, dầu - Ngành hàng hải - Ngành công nghiệp bột giấy và giấy
Pthanh	50	100	200	
V m/giây	20	2	1	
độ pH	2 ÷ 12			



KIỂU DÁNG 1042SỢI ARAMID VỚI PTFE

Sợi Aramid được tẩm 25% PTFE dạng keo và dầu tổng hợp.



Ứng dụng

T°C	- 80 ÷ +260			- Máy bơm, van, khớp nối giãn nở và máy bơm piston - Nước, hơi nước, dung môi, axit yếu và kiềm, các dẫn xuất dầu mỏ - Hóa chất, bột giấy và giấy, dược phẩm, công nghiệp thực phẩm và xử lý nước
Pthanh	30	50	80	
V m/giây	20	12	1	
độ pH	3 ÷ 12			



KIỂU DÁNG 1043SỢI ARAMID VỚI GRAPHITE

Sợi Aramid được tẩm 25% than chì dạng keo và dầu tổng hợp.



Ứng dụng

T°C	- 80 ÷ +350			• Ứng dụng nặng ĐẾN cao nhiệt độ và áp suất • Bơm máy bơm cấp liệu, van hơi và van cửa.
Pthanh	70	150	300	
V m/giây	20	5	2	
độ pH	2 ÷ 13			



KIỂU DÁNG 1044SỢI ARAMID VỚI PTFE VÀ GRAPHITE

Sợi aramid và PTFE liên kết - than chì, tẩm PTFE dạng keo và tổng hợp dầu.



Ứng dụng

T°C	- 80 ÷ +280			- Máy bơm ly tâm và piston - Máy trộn và lò phản ứng
Pthanh	70	150	300	
V m/giây	20	5	2	
độ pH	2 ÷ 13			



KIỂU DÁNG 1048SỢI PTFE NGUYÊN CHẤT

Sợi PTFE nguyên chất có các góc được gia cố bằng sợi aramid liên tục, được tẩm PTFE dạng keo và dầu tổng hợp.

				Ứng dụng	
T°C	- 200 ÷ +280			- Máy bơm ly tâm - Ngành thực phẩm và dược phẩm	Vàipiston,
P _{thanh}	25	300	500		
V m/giây	10	3	1		hoá học
độ pH	3 ÷ 12				



KIỂU 1050PTFE-GRAPHITE GỐC

PTFE giãn nở với sự phân tán than chì nguyên chất.

				Ứng dụng
T°C	- 200 ÷ +280			- Máy bơm ly tâm, lò phản ứng, máy trộn - Van, van cửa, vòi, khớp nối giãn nở - Giữ tĩnh điện trên hầu hết các loại hóa chất
P _{thanh}	50	70	100	
V m/giây	25	5	2	
độ pH	0 ÷ 14			



KIỂU DÁNG 1051SỢI GRAPHITE-PTFE HYBRID

PTFE giãn nở với sự phân tán than chì dạng keo.

				Ứng dụng
T°C	- 120 ÷ +250			- Trục và bơm bị mòn trong điều kiện xấu điều kiện - Máy bơm ly tâm, piston và pít tông - Van và ứng dụng tĩnh
P _{thanh}	40	60	80	
V m/giây	20	4	1	
độ pH	0 ÷ 14			



KIỂU DÁNG 1055SỢI GRAPHITE-PTFE HYBRID TRÊN ARAMID

Lớp hỗ trợ Aramid được bọc bằng màng PTFE-graphite. Tản nhiệt cao và độ bền kéo cao.

				Ứng dụng
T°C	- 30 ÷ +260			• Ứng dụng áp suất cao • Cây cối bị mòn • Ứng dụng tốc độ cao
P _{thanh}	80	100	150	
V m/giây	15	4	2	
độ pH	0 ÷ 14			



ĐÓNG GỐI BỌC

KIỂU DÁNG 1066SỢI GRAPHITE-NHÔM

25% đầu kim loại chống ma sát và 75% than chì nở, tẩm chất ức chế ăn mòn.

				Ứng dụng
T°C	- 20 ÷ +550			• Ứng dụng với tốc độ trục thấp đến trung bình • Ứng dụng của bơm ly tâm nhiệt độ cao • Dầu thô, hắc ín, sản phẩm chưng cất và phân số thấp hơn, chất lỏng truyền nhiệt, dầu nóng • Ngành công nghiệp của đường, chất kết tinh, sơn • Cây có độ cứng > 500° brinell
Pthanh	120	200	300	
V m/giây	10	3	1	
độ pH	3 ÷ 11			



KIỂU DÁNG 1077SỢI PTK 28 VỚI PTFE

sợi acrylic có kết cấu, được tẩm 40% PTFE dạng keo và dầu tổng hợp.

				Ứng dụng
T°C	- 25 ÷ +200			• Ngành công nghiệp nói chung • Ứng dụng giấy và bột giấy yêu cầu bao bì màu trắng, không nhuộm màu
P _{thanh}	25	40	60	
V m/giây	15	3	1	
độ pH	3 ÷ 12			



KIỂU DÁNG 1077GSỢI PTK 28 VỚI GRAPHITE

Sợi acrylic có kết cấu, được tẩm 30% than chì dạng keo và dầu tổng hợp. Tản nhiệt tốt hơn so với kiểu 1077.

				Ứng dụng
T°C	- 25 ÷ +200			• Ngành công nghiệp nói chung
Pthanh	25	40	60	
V m/giây	15	3	1	
độ pH	3 ÷ 12			



KIỂU DÁNG 1080SỢI CARBON TỔNG HỢP VÀ ARAMID

Sợi AN và sợi aramid bền được oxy hóa trước, tẩm 0% PTFE dạng keo và dầu tổng hợp.

				Ứng dụng
T°C	- 60 ÷ +260			• Bùn, chất lỏng trùng hợp, keo, nhựa đường, chất lỏng mài mòn
Pthanh	50	70	120	
V m/giây	30	10	3	
độ pH	1 ÷ 13			



KIỂU DÁNG 1099
SỢI COMBIGRAPH

91% than chì nở được bao quanh bởi 9% than chì tổng hợp, được tẩm chất ức chế ăn mòn phi kim loại.

				Ứng dụng
T°C	- 150 ÷ +650			- Máy bơm và van hạng nặng nhiệt độ cao / áp suất cao Ứng dụng tốc độ cao - Hóa chất mài mòn và mạnh
P _{thanh}	30*	80*	120*	
V m/giây	35	3	1	
độ pH	0 ÷ 14			
* có vòng chống đùn				



KIỂU 1099R
SỢI COMBIGRAPH (CÓ TĂNG CƯỜNG)

93% than chì nở ra được quấn quanh 7% dây hợp kim Inconel, được tẩm chất ức chế ăn mòn phi kim loại

				Ứng dụng
T°C	- 150 ÷ +550			- Bơm và van nhiệt độ cao/áp suất cao - Ứng dụng tốc độ cao - Hóa chất mạnh và có tính mài mòn.
P _{thanh}	-	-	300	
V m/giây	-	-	2	
độ pH	0 ÷ 14			



KIỂU DÁNG 1111
SỢI INCOGRAPH

85% than chì nở ra quấn quanh 15% dây hợp kim Inconel, tẩm chất ức chế ăn mòn phi kim loại

				Ứng dụng	
T°C	- 150 ÷ +650			Van hơi, bô hống, cửa máy thổi Cửa	
P _{thanh}	-	-	300		
V m/giây	-	-	2		
độ pH	0 ÷ 14				



KIỂU 1300
PTFE KHÔNG THỎA THÙ

Sợi PTFE nguyên chất không thiêu kết với chất bôi trơn đặc biệt, độ mềm của nó làm giảm ma sát trục và cho phép khả năng đúc khuôn cao. Có sẵn với sự phân tán than chì bổ sung (Kiểu 1301).

				Ứng dụng
T°C	- 58 ÷ +500			Axit và kiềm, dầu, khí, dung môi, hơi nước trên máy bơm ly tâm, máy trộn và máy khuấy.
P _{thanh}	10	-	-	
V m/giây	10	-	-	
độ pH	0 ÷ 14			



SIÊU SÁN

ULTRASEAL® là dòng vật liệu gioăng mới mang tính cách mạng được làm từ PTFE siêu tinh khiết, được xử lý để tạo nên tính đàn hồi, dẻo dai với cấu trúc vi mô đa hướng.

Với các quy trình thích hợp, sau đó nó được chế biến theo các cấu hình khác nhau để có thể bao phủ hầu như tất cả các ngành công nghiệp. Các đặc điểm chung của tất cả các loại là khả năng chống hóa chất gần như tuyệt đối, độ linh hoạt hoàn hảo, không có dòng chảy lạnh, khả năng nén cao.

Đặc trưng
• 100% PTFE tinh khiết • Khả năng giữ tuyệt vời • Độ linh hoạt hoàn hảo • Độ nén cao • Sức cản dòng chảy lạnh • Khả năng kháng hóa chất hoàn toàn • Không gây ô nhiễm • Thích hợp để tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (FDA 21 CFR 177.1550) • Áp suất hoạt động từ chân không lên đến 220 Bar • Nhiệt độ -240°C ÷ +280°C • Dễ dàng cắt và lắp đặt • Cũng áp dụng trên bề mặt không hoàn hảo



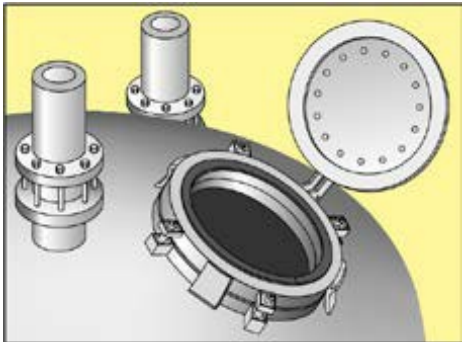
BIỂU ĐỒ ULTRASEAAL

Gioăng băng tự tạo hình được thiết kế riêng cho các khớp nối có tải kẹp cao và nhiệt độ cao. Nhờ tỷ lệ phần trăm cao của than chì nguyên chất được ổn định trong độ xốp siêu nhỏ của PTFE giãn nở, vật liệu này có thể phân tán nhiệt rất hiệu quả mà không làm mất thể tích hoặc mật độ. Do đó, nó đặc biệt phù hợp cho các lỗ ga, ống khói, lỗ tay và nối chung trong tất cả các ứng dụng đòi hỏi độ ổn định kích thước lớn hơn so với ULTRASEAL® cổ điển.

Đặc trưng	Ứng dụng điển hình
• Dễ dàng cài đặt • Tự dính • Dễ dàng để loại bỏ • Ngay cả đối với bề mặt không đều • Độ nén cao • Đối với nhiệt độ cao • Chịu được tải kẹp cao • Giữ chặt với độ siết bu lông tối thiểu • Không cần phải đăng ký nữa • Đối với áp suất lên đến 200 bar • Nó không già đi • Không lãng phí • Không lãng phí thời gian cắt miếng đệm • Giảm lượng hàng tồn kho • Thời gian không giới hạn	• Những bước chân của con người • chuyên tay • Ống khói • Mặt bích ống hơi



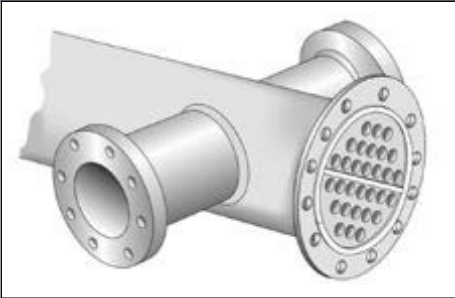
Kích thước có sẵn	Mã số
mm 14 × 5 mt.10	7021410
mm 17 × 6 mt. 10	7021710
mm 20 × 7 mt. 10	7022010



CHÚ Ý!Điều quan trọng là phải kiểm tra các bu lông nhiều lần trước khi đến giai đoạn hơi nước và điều chỉnh nếu cần thiết.

ULTRASEAL HD

Gioăng băng tự định hình được thiết kế đặc biệt cho các khớp nối cỡ lớn có tải trọng kẹp cao.
Cấu trúc vi xốp của vật liệu này được thiết kế cực kỳ dày đặc, do đó nó không bị đùn ra hoặc chảy ngay cả khi chịu lực kéo mạnh.
Lĩnh vực ứng dụng cụ thể của bộ trao đổi nhiệt là nhờ hệ số giãn nở nhiệt thấp, cho phép hoạt động tốt ngay cả khi nhiệt độ thay đổi liên tục.



Đặc trưng	Ứng dụng điển hình
- Mật độ cao - Dễ dàng cài đặt - Tự dính - Dễ dàng để loại bỏ - Ngay cả đối với bề mặt không đều - Độ nén cao - Giữ chặt với độ siết bu lông tối thiểu - Không cần phải đăng ký nữa - Đối với áp suất lên đến 200 bar - Nó không già đi - Không lãng phí - Không lãng phí thời gian cắt miếng đệm - Giảm lượng hàng tồn kho - Thời gian không giới hạn - Hệ số giãn nở nhiệt thấp	- Nắp bộ trao đổi nhiệt - Bề mặt niêm phong hẹp nói chung

Kích thước có sẵn		Mã số
6x4,5mm	mt.25	7010625
mm 10 × 5	mt. 10	7011010
mm 10 × 5	mt. 25	7011025
mm 17 × 6	mt. 10	7011710

CHÚ Ý!Điều quan trọng là phải kiểm tra các bu lông nhiều lần trước khi đến giai đoạn hơi nước và điều chỉnh nếu cần thiết.

ULTRASEAL TP

Băng keo gioăng tự tạo hình được làm từ 100% PTFE vi xốp đa hướng nguyên chất.
Được trang bị độ bền kéo cực cao, sản phẩm có thể dễ dàng áp dụng cho mọi bề mặt cần giữ chặt và lâu dài.
Sản phẩm có bề mặt tự dính giúp lắp ráp dễ dàng và có nhiều kích cỡ khác nhau cho mọi bề mặt.



Đặc trưng	Ứng dụng điển hình
- Dễ dàng cài đặt - Tự dính - Dễ dàng để loại bỏ - Ngay cả đối với bề mặt không đều - Độ nén cao - Giữ chặt với độ siết bu lông tối thiểu - Không cần phải đăng ký nữa - Đối với áp suất lên đến 200 Bar - Nó không già đi - Không lãng phí - Không lãng phí thời gian cắt miếng đệm - Giảm lượng hàng tồn kho - Thời gian không giới hạn	- Mặt bích - Lò sưởi - Thân bơm - Kết nối gôm - Ống thông gió - Nắp giảm tốc



Kích thước có sẵn		odice	Kích thước có sẵn		Mã số
mm 3.0 × 1.5	mt.25	000325	mm 14 × 5.0	mt. 10	7001410
mm 5.0 × 2.0	mt. 25	000525	mm 14 × 5.0	mt. 25	7001425
mm 7.0 × 2.5	mt. 25	000725	mm 17 × 6.0	mt. 10	7001710
mm 10 × 3.0	mt. 10	001010	mm 17 × 6.0	mt. 25	7001725
mm 10 × 3.0	mt. 25	001025	mm 20 × 7.0	mt. 5	7002005
mm 12 × 4.0	mt. 25	001225	mm 20 × 7.0	mt. 25	7002025

ULTRALON S

Gioăng tròn tự tạo hình ULTRASEAL® bằng PTFE đa hướng giãn nở nguyên chất. Được thiết kế và sản xuất dành riêng cho vòi, van và van cửa như một “gioăng thời gian thực”, có sẵn ngay lập tức, không giới hạn kích thước, có thể áp dụng ngay cả trên thiết bị trong tình trạng kém hoặc trên các hệ thống được làm bằng vật liệu mỏng manh như gốm hoặc thủy tinh.

Cực kỳ dễ sử dụng và nhanh chóng, giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian và vật liệu.

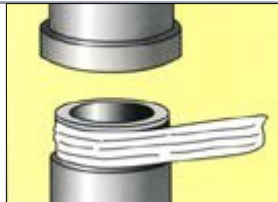


Đặc trưng	Ứng dụng điển hình
• Dễ dàng cài đặt và gỡ bỏ • Ngay cả đối với bề mặt không đều • Độ nén cao • Giữ chặt với độ siết tối thiểu • Áp suất hoạt động lên đến 200 bar Không lãng phí • Thời gian không giới hạn	• Van • Cửa chớp cuốn • Vòi nước

Kích thước có sẵn		Mã số	Kích thước có sẵn		Mã số
mm 3	mt. 50	7160350	mm 10	mt. 10	7161010
mm4	mt. 40	7160440	mm 12	mt. 10	7161210
mm 6	mt. 25	7160625	mm 14	mt. 10	7161410
mm 7	mt. 25	7160725	mm 16	mt. 10	7161610
mm 8	mt. 25	7160825			

ULTRATAPE S+ULTRATAPE MD+ULTRATAPE HD

Gioăng băng keo bằng PTFE đa hướng giãn nở nguyên chất. Nhờ cấu trúc đặc biệt, nó lấp đầy hoàn toàn các khoảng trống giữa các sợi, đảm bảo độ kín khít hơn ngay cả khi có sự thay đổi nhiệt độ và hóa chất mạnh. Đặc biệt phù hợp với các sợi lớn hoặc bị hỏng, nơi mà các băng keo truyền thống sẽ bị nghiền nát và cắt không thể sửa chữa được. Không thể thiếu đối với các sợi thép không gỉ, nơi mà thông thường các đỉnh ren cắt đứt các sợi của băng keo truyền thống, ngăn cản độ kín khít tốt.



Đặc trưng	Kích thước có sẵn		Mã số
• Khả năng giữ tuyệt vời • Tính linh hoạt tuyệt vời • Độ nén cao • Khả năng kháng hóa chất hoàn toàn • Không gây ô nhiễm • Có thể sử dụng trực tiếp với thực phẩm • Nhiệt độ từ -240°C ÷ +280°C • Dành cho phi lê lớn hoặc phi lê thép không gỉ	ULTRATAPE S	mm 0,20 × 12 mt.15	7131320
	ULTRATAPE S	mm 0,20 × 19 mt.15	7131321
	ULTRATAPE MD	mm 12,7 mt.12	7131311
	ULTRATAPE HD	mm 12,7 mt.12	7131312



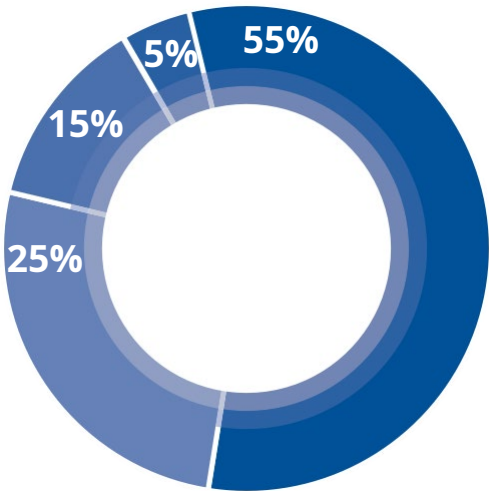
HỆ THỐNG KHÔNG MẤT MÁT *Tổng quan*

THE Hệ thống không mất mát cung cấp nhiều loại hợp chất dạng sợi, thay thế lớp đệm bên trong hộp nhồi. Chất liệu này hoạt động quanh trục một cách đồng đều và hoạt động như một nút bôi trơn, và được lắp đặt vào các điểm áp lực. Nó đảm bảo ma sát tối thiểu, kéo dài tuổi thọ hoạt động của la bàn và đảm bảo tiết kiệm năng lượng đáng kể.

Hệ thống không mất mát Nó có sẵn trong nhiều loại sợi tổng hợp, trộn với chất bôi trơn có tính lưu biến. Được xử lý tại áp suất để đảm bảo sự phân tán đồng đều.

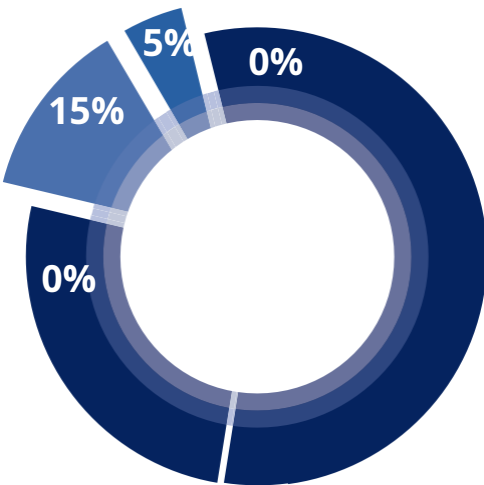
CHI PHÍ VẬN HÀNH CỦA BỌC BỌC BỆN

- 55% Mất sản lượng do máy ngừng hoạt
- 25% động Chi phí chất lỏng bị mất
- 15% Chi phí lao động
- 5% Chi phí mua bao bì



CHI PHÍ VẬN HÀNH VỚI HỆ THỐNG KHÔNG TỒN THẤT

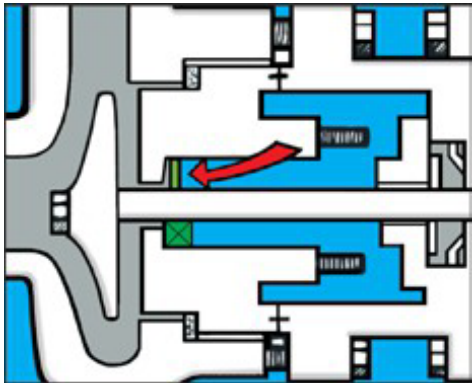
- 0% Mất sản lượng do máy ngừng hoạt
- 0% động Chi phí chất lỏng bị mất
- 15% Chi phí lao động
- 5% Chi phí mua bao bì



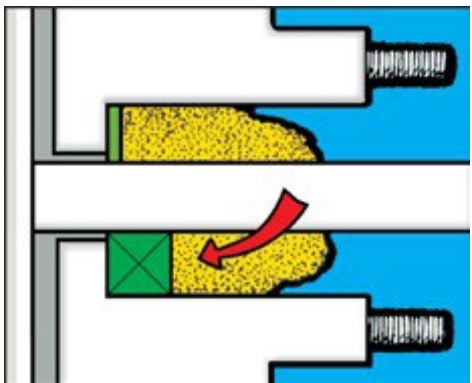
HỆ THỐNG KHÔNG MẤT MÁT

ĐÓNG GÓI BỌC	HỆ THỐNG KHÔNG MẤT MÁT
X Mất chất lỏng là cần thiết để bôi trơn. Tốc độ tối ưu thường là 30 đến 50 giọt mỗi phút, có nghĩa là mất hàng năm hơn 1200 lít sản phẩm	✓ Với ứng dụng đúng và trong điều kiện cơ học tối ưu, tổn thất có thể đạt tới mức bằng không.
X Đóng gói đòi hỏi phải thay thế thường xuyên, gây ra thời gian chết máy và tổn thất sản xuất	✓ Sau lần sử dụng đầu tiên, không cần thay thế. Hệ thống Zero Loss được nạp đầy mà không cần dừng máy và không cần thay thế.
X Làm mát bằng vòng đèn lồng tiêu thụ một lượng nước lớn. Nén chặt vật liệu đóng gói làm giảm hiệu quả của nó.	✓ Không cần làm mát hoặc xả nước.
X Để đảm bảo thay đổi nhanh chóng, mỗi kích thước đóng gói được sử dụng trong nhà máy phải có đủ hàng tồn kho. Nhu cầu cao điểm đối với một kích thước nhất định có thể gây ra thời gian chết nếu không có đủ hàng đóng gói trong kho.	✓ Có thể sử dụng cùng một loại hàng tồn kho cho TẤT CẢ các kích cỡ hộp nhồi trong một nhà máy. Lượng vật liệu trong kho để phục vụ cho tất cả các thiết bị trong nhà máy được giảm đáng kể. Kiểm soát hàng tồn kho dễ dàng, nhu cầu không có khả năng tăng đột biến vì SPZ được nạp lại chậm và không có mức tiêu thụ đột ngột.
X Ma sát, đặc biệt là với các sợi cứng hơn cần thiết cho chất lỏng mài mòn, gây ra sự hấp thụ năng lượng rất cao và làm la bàn bị mòn nhanh chóng.	✓ Mặc dù ma sát với ống lót vẫn còn, nhưng các sợi tự bôi trơn giúp giảm ma sát xuống còn một phần nhỏ so với lực ma sát mà lớp đệm ben thường tạo ra.

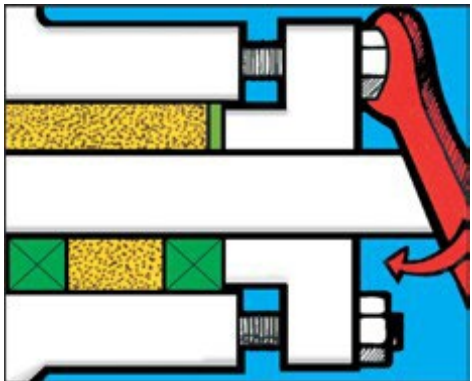
CÁCH THỨC HOẠT ĐỘNG:



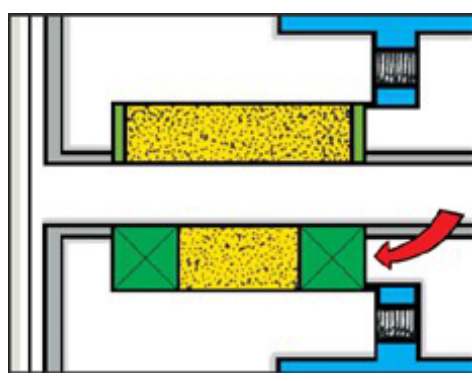
1 Lắp vòng đệm chống đùn bằng vật liệu ben hoặc PTFE đặc.



2 Dùng tay nhồi hỗn hợp vào hộp nhồi, dùng hộp nhồi để nén chặt.



3 Lắp một vòng đệm chống đùn ben hoặc một vòng đệm PTFE rắn vào bên cạnh của tuyến đệm và “bịt kín” bằng tuyến đệm.



4 Siết chặt bu lông để nén hợp chất và khởi động máy bơm/van.

HỆ THỐNG KHÔNG MẤT MÁT

Kiểu MộtPTFE + THAN CHÌ

Được tạo thành từ PTFE giãn nở với than chì nguyên chất kết hợp, chất bôi trơn, gel lưu biến và phụ gia tản nhiệt. Được sử dụng thay cho cách đóng gói truyền thống, nó loại bỏ hoặc giảm thiểu tổn thất xuống gần bằng không. Trơ về mặt hóa học (pH 0 ÷ 14), nó cho phép chuẩn hóa toàn bộ hệ thống.

			
T°C	- 80 ÷ +280		
P _{thanh}	20	35	70
V m/giây	20	8	4
độ pH	0 ÷ 14		
Tập	615 cm³/Kg		



Kiểu HaiSỢI ARAMID

Được làm từ sợi para-aramid Twaron® nguyên chất, gel thixotropic và chất bôi trơn trơ không màu. Không nhuộm màu hoặc đổi màu. Lý tưởng để sử dụng trong các nhà máy giấy ngay cả trên chất lỏng mài mòn. Có lợi khi sử dụng trên máy bơm nước, nước biển và nước thải.

			
T°C	- 35 ÷ +260		
P _{thanh}	25	40	80
V m/giây	18	4	2
độ pH	2 ÷ 13		
Tập	830 cm³/Kg		



PHONG CÁCH NĂMSỢI PTFE

Được cấu tạo từ sợi PTFE nguyên chất, có kết cấu và định hình lại, có hiệu suất rất cao. Cũng thích hợp để tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Do có tính trơ về mặt hóa học và màu trắng, nó cũng thích hợp cho các ứng dụng đòi hỏi khắt khe trong ngành công nghiệp hóa chất và dược phẩm.

			
T°C	- 80 ÷ +260		
P _{thanh}	20	30	60
V m/giây	8	3	1
độ pH	0 ÷ 14		
Tập	640 cm³/Kg		



KIỂU BẢY THAN CHÌ MỞ RỘNG

Được làm từ 100% sợi graphite giãn nở tinh khiết, được thiết kế để sử dụng trong các tình huống nhiệt độ và áp suất quan trọng. Lý tưởng cho van hơi, bơm cấp nôi hơi, bơm dầu diathermic.

			
T°C	- 30 ÷ +600		
P _{thanh}	40	70	90
V m/giây	25	5	2
độ pH	0 ÷ 14		
Tập	710cm ³ /Kg		

KIỂU DÁNG TF350 PTFE THÔ

Được tạo thành từ sợi PTFE nguyên chất, các vi cầu PTFE giãn nở và chất bôi trơn tổng hợp. Có thể được sử dụng làm miếng đệm "không rò rỉ" trên van, máy bơm và máy trộn với tốc độ ngoại vi không quá 8m/giây. Nó cũng có thể được sử dụng có lợi trong các ứng dụng đông lạnh và nhiệt độ tối đa lên đến 26°C trên hầu hết mọi chất lỏng, ngay cả những chất lỏng có tính ăn mòn.

			
T°C	- 40 ÷ +260		
P _{thanh}	20	30	60
V m/giây	8	3	1
độ pH	0 ÷ 14		
Tập	610 cm ³ /Kg		

KIỂU P99 G - P99G PARAMID + THAN CHÌ

Hỗn hợp sợi Twaron® nguyên chất, than chì khoáng nở và chất bôi trơn thixotropic chịu nhiệt đặc biệt. Có sẵn trong phiên bản GP với các vi cầu kim loại chống ma sát để ứng dụng trên trục và máy bơm bị mòn trong điều kiện cơ học kém.

			
T°C	- 20 ÷ +300		
P _{thanh}	30	50	80
V m/giây	20	5	1
độ pH	1 ÷ 13		
Tập	620 cm ³ /Kg		



ĐỆM PHẪNG - Tổng quan

ĐỆM PHẪNG - HƯỚNG DẪN:

- Giới hạn áp suất và nhiệt độ chỉ mang tính chất chỉ dẫn và không bao giờ được kết hợp ở giá trị tối đa của chúng. Độ nén bề mặt không bao giờ được vượt quá áp suất tối đa của từng vật liệu.
- Bề mặt cần bịt kín phải không có rỉ, phẳng, nhẵn, không có bụi bẩn hoặc cặn của miếng đệm cũ. Các mặt bích song song là điều kiện cần thiết để tránh miếng đệm bị hỏng sớm.
- Việc sử dụng cờ lê lực trong quá trình nén được khuyến khích mạnh mẽ.
- Không nên sử dụng chất chống dính với miếng đệm. Tất cả miếng đệm đều được xử lý trước bằng chất chống dính và không cần bất kỳ biện pháp bảo vệ bổ sung nào.



NHIỆT ĐỘ TỐI ĐA.	550°C	550°C	550°C	550°C	280°C	250°C	300°C	200°C	260°C	260°C	260°C
PHONG CÁCH	3000	3001	3002	3004	4005	4205	4400	5005	6000	6011	6050
KHÔNG KHÍ lên đến 95°C	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
HYDROGEN	○	○	○	○	/	/	/	●	○	○	○
KHÍ THIÊN NHIÊN	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
HƠI NƯỚC THẤP ÁP LỰC	○	○	○	○	●	●	○	/	○	●	●
HƠI NƯỚC BÃO HOÀ	○	○	○	○	/	/	●	/	/	/	/
HƠI NƯỚC QUÁ NÓNG	○	○	○	○	/	/	/	/	/	/	/
DẦU DIATHERMIC	○	○	○	○	●	/	○	/	○	●	●
THÁC NƯỚC	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
NƯỚC QUÁ NÓNG	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
AMONIAC	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
Kiểm nhẹ	○	○	○	●	○	○	○	○	○	○	○
Kiểm mạnh	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
AXIT NHẸ	○	○	○	●	○	○	○	○	○	○	○
AXIT MẠNH	●	○	●	●	○	○	○	○	○	○	○
DUNG MÔI DẦU MỎ	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
DUNG MÔI KHÔNG HƯƠNG THƠM	○	○	○	○	○	○	○	/	○	○	○
DUNG MÔI CLO	○	○	○	○	/	/	/	/	○	○	○
SƠN	○	○	○	○	/	/	●	●	○	○	○
XETON	○	○	○	○	/	/	/	/	○	○	○
NHIÊN LIỆU	○	○	○	○	○	○	○	●	○	○	○
FREON	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
DẦU THỦY LỰC	○	○	○	○	●	●	○	●	○	○	○
NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN	/	○	/	/	/	/	/	/	○	○	○
TIÊU CHUẨN FDA	/	○	/	/	○	○	/	/	○	○	○
○ Khuyến khích ● Cần được đánh giá thận trọng / Không phù hợp											
Đối với các ứng dụng khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi											

ĐỆM PHẪNG

KIẾU 3000

Tấm gioăng làm kín tĩnh bằng than chì nguyên chất, được gia cố bằng lớp microlamina trung tâm bằng thép AISI 316. Không chứa bất kỳ chất kết dính nào. Có thể sử dụng trong hầu hết mọi ứng dụng, ngay cả những ứng dụng khắc khe nhất. Chịu được nhiệt độ khắc nghiệt. Không dính và không bị hiện tượng lão hóa. Đặc biệt phù hợp với các mặt bích có áp suất bề mặt thấp và điều kiện lắp đặt khó khăn.

Dữ liệu kỹ thuật

Áp suất tối đa	130 thanh
Nhiệt độ tối đa	550°C
Hệ số P × T	tối đa 30.000
Màu sắc	Đen

KIẾU DÁNG 3001

Tấm gioăng làm kín tĩnh điện làm từ than chì khoáng nguyên chất, được gia cố bằng lớp microlamina AISI 316 với cấu trúc kim cương. Không chứa bất kỳ chất kết dính nào. Có thể sử dụng cho mọi ứng dụng, ngay cả những ứng dụng khắc khe nhất. Chịu được nhiệt độ và áp suất cao.

Không dính và không bị hiện tượng lão hóa. Chịu được sốc nhiệt, không bị biến dạng khi nóng hoặc lạnh, có chất ức chế ăn mòn vô cơ và xử lý chống trầy xước.

Dữ liệu kỹ thuật

Áp suất tối đa	130 thanh
Nhiệt độ tối đa	550°C
Hệ số P × T	tối đa 40.000
Màu sắc	Đen

KIẾU DÁNG 3002

Tấm gioăng làm kín tĩnh bằng than chì nguyên chất, được gia cố bằng lưới siêu nhỏ ở giữa bằng thép AISI 316. Không chứa bất kỳ chất kết dính nào. Có thể sử dụng cho hầu như mọi ứng dụng, ngay cả những ứng dụng khắc khe nhất. Chịu được nhiệt độ khắc nghiệt. Không dính và không bị lão hóa. Đặc biệt phù hợp với các mặt bích có áp suất bề mặt thấp và điều kiện lắp đặt khó khăn. Đặc biệt phù hợp để cắt gioăng theo chuỗi nhờ khả năng cắt khuôn cực kỳ dễ dàng.

Dữ liệu kỹ thuật

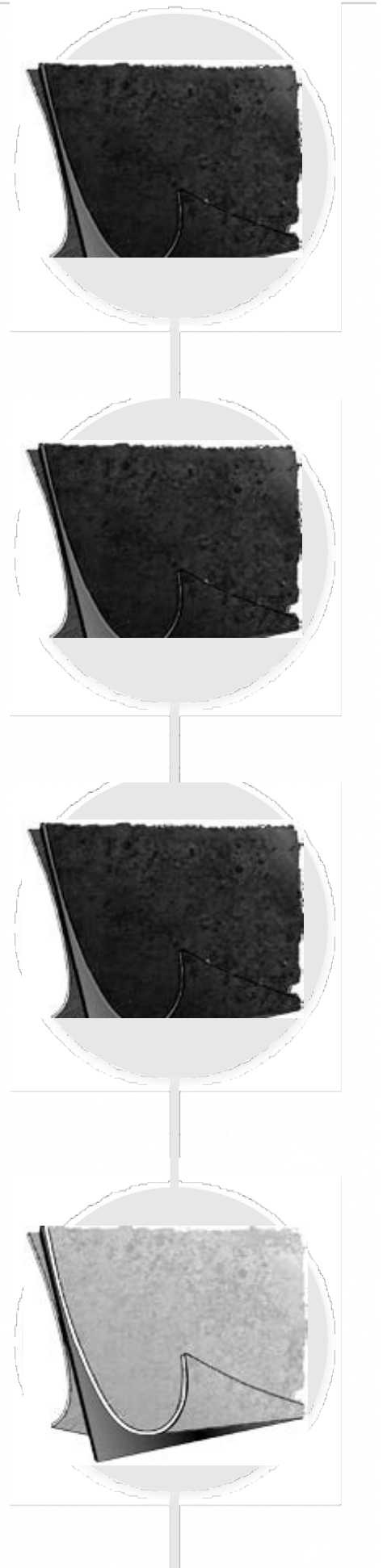
Áp suất tối đa	130 thanh
Nhiệt độ tối đa	550°C
Hệ số P × T	tối đa 30.000
Màu sắc	Đen

KIẾU DÁNG 3004

Tấm gioăng kín tĩnh có cấu trúc dạng bánh sandwich, được làm bằng lõi trung tâm là than chì khoáng nguyên chất nở ra và phần bên ngoài làm bằng tấm nhôm mỏng. Đây là sự đổi mới mới nhất trong lĩnh vực gioăng phẳng, giải quyết mọi vấn đề liên quan đến việc sử dụng than chì nguyên chất. Có thể dễ dàng xử lý và cắt.

Dữ liệu kỹ thuật

Áp suất tối đa	80 thanh
Nhiệt độ tối đa	550°C
Hệ số P × T	tối đa 24.000
Màu sắc	Bạc



ĐỆM PHẪNG

Kiểu Dáng 4005

Tấm gioăng làm kín tĩnh được làm bằng sợi aramid, sợi Rockwool và chất kết dính đàn hồi đặc biệt. Có khả năng chịu áp suất và nhiệt độ, khả năng phục hồi và khả năng nén rất cao. Nó luôn đàn hồi và nhờ xử lý bề mặt đặc biệt, không bám dính vào bề mặt kim loại.

Dữ liệu kỹ thuật

Áp suất tối đa	100 thanh
Nhiệt độ tối đa	300°C
Hệ số P × T	21.000
Màu sắc	Màu xanh lá

Kiểu Dáng 4205

Gioăng kiểu 4205 được làm bằng sợi tổng hợp và sợi aramidic liên kết với cao su nitrile. Hoàn toàn không chứa sợi thủy tinh và sợi gốm. Tấm phù hợp để sử dụng phổ biến ở nhiệt độ trung bình đến cao, chịu được nhiều loại sản phẩm như: dầu, xăng, nước, nước nóng, hơi nước áp suất thấp, một số hóa chất, dung môi và khí. Tỷ lệ chi phí/hiệu suất tuyệt vời và giá trị khả năng chịu ứng suất cao làm cho nó lý tưởng để sử dụng chung trong điều kiện nhiệt độ và áp suất trung bình đến cao và cũng dễ gia công.

Dữ liệu kỹ thuật

Áp suất tối đa	100 thanh
Nhiệt độ tối đa	300°C
Hệ số P × T	21.000
Màu sắc	Màu xanh da trời

Kiểu 4400 XP

Tấm cho gioăng phẳng được làm bằng hệ thống cải tiến gia cố graphite bằng sợi aramidic sử dụng tỷ lệ chất kết dính thấp. Với khả năng chống chịu cơ học cao và độ linh hoạt cao, việc sử dụng các vật liệu gia cố kim loại bên trong không còn cần thiết nữa. Nó cũng dễ xử lý và gia công. Nó lý tưởng để sử dụng trong các ứng dụng cực kỳ nặng ở nhiệt độ cao và áp suất cao.

Dữ liệu kỹ thuật

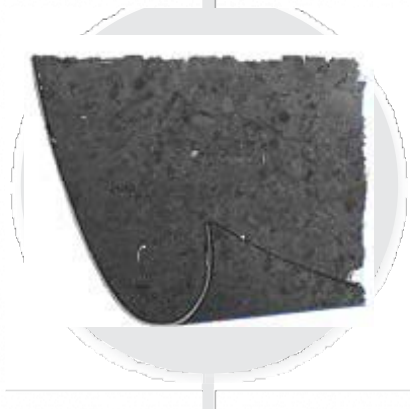
Áp suất tối đa	105 thanh
Nhiệt độ tối đa	350°C
Hệ số P × T	tối đa 25.000
Màu sắc	Xám đen

Kiểu Dáng 5005

Tấm gioăng phẳng không chứa amiăng, được tạo ra từ sự kết hợp của sợi aramid, sợi khoáng trơ, PTFE và chất kết dính tổng hợp có khả năng chống hóa chất cao. Nó kết hợp khả năng chống hóa chất tuyệt vời với độ đàn hồi và khả năng nén. Nó không bám dính vào bề mặt nhờ xử lý bề mặt.

Dữ liệu kỹ thuật

Áp suất tối đa	50 thanh
Nhiệt độ tối đa	200°C
Hệ số P × T	tối đa 6.000
Màu sắc	Ngà voi



ĐỆM PHẪNG

Kiểu 6000

Tấm gioăng phẳng không chứa amiăng, được tạo ra từ sự kết hợp của sợi aramid, sợi khoáng trơ, PTFE và chất kết dính tổng hợp có khả năng chống hóa chất cao. Nó kết hợp khả năng chống hóa chất tuyệt vời với độ đàn hồi và khả năng nén. Nó không bám dính vào bề mặt nhờ xử lý bề mặt.

Dữ liệu kỹ thuật	
Áp suất tối đa	250 thanh
Nhiệt độ tối đa	260°C
Hệ số P × T	tối đa 20.000
Màu sắc	Trắng

Kiểu DẮNG 6011

Tấm gioăng phẳng được làm bằng PTFE hai trục và chất độn gốc silica, có thể sử dụng trong nhiều ứng dụng đòi hỏi khả năng chống hóa chất tối đa (pH 0÷14), kết hợp với khả năng chống cơ học cao. Có thể sử dụng trên axit mạnh (trừ axit hydrofluoric), kiềm, dung môi, hydrocarbon, clo, hơi nước và nước. Nó có độ thấm khí rất thấp, khả năng chống “trượt” và “chảy lạnh” cao so với PTFE thông thường và dễ cắt tuyệt vời.

Dữ liệu kỹ thuật	
Áp suất tối đa	85 thanh
Nhiệt độ tối đa	260°C
Hệ số P × T	tối đa 14.000
Màu sắc	Quả cam

Kiểu 6050

Tấm gioăng phẳng làm bằng PTFE hai trục, chất độn bari sulfat và các vi cầu vô cơ đặc biệt. Được phát triển cho tải kẹp thấp trên mặt bích thủy tinh, gốm, phủ nhựa hoặc bị biến dạng. Thích hợp cho nhiều ứng dụng đòi hỏi khả năng chống hóa chất tối đa (pH 0 : 14) ngoại trừ kim loại kiềm nóng chảy, flo và axit hydrofluoric, kết hợp với độ bền cơ học cao.

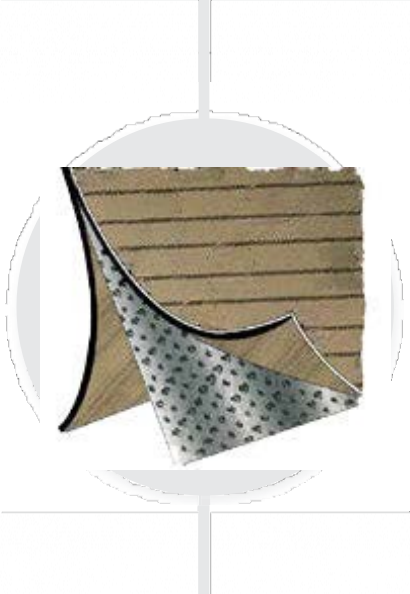
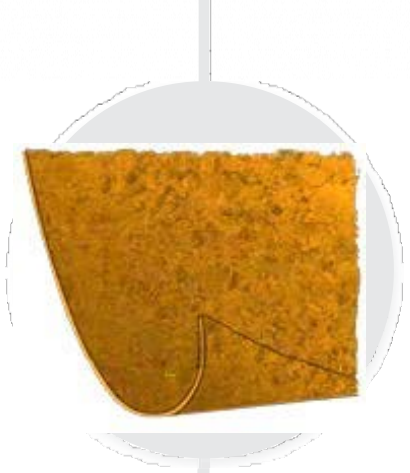
Có độ thấm khí rất thấp, khả năng chống nứt và chảy nguội cao so với PTFE thông thường, rất dễ cắt.

Dữ liệu kỹ thuật	
Áp suất tối đa	85 thanh
Nhiệt độ tối đa	260°C
Hệ số P × T	tối đa 16.000
Màu sắc	Màu xanh da trời

Kiểu 8001 SIÊU NHIỆT

Kiểu 8001 Ultratherm là vật liệu gioăng sáng tạo không chứa bất kỳ chất kết dính cao su, than chì hoặc sợi tổng hợp nào, chỉ được làm bằng mica phlogopite nguyên chất được ép nhiều lớp và gia cố bằng thép 316 theo hình thoi. Hoàn toàn chống trầy xước và xử lý thô bạo. Nó mang lại lợi thế lớn trong các mặt bích chịu nhiệt độ cao của bộ trao đổi nhiệt, vỏ tua bin khí và đường ống chịu nhiệt độ cao trong các nhà máy điện, nhà máy thép và các ứng dụng quan trọng khác.

Dữ liệu kỹ thuật	
Áp suất tối đa	150 thanh
Nhiệt độ tối đa	950°C/1100°C
Hệ số P × T	55.000
Màu sắc	Nâu nhạt



SỬA CHỮA VÀ BẢO TRÌ



BĂNG DÍNH SỬA ỐNG

SEAL-TEX Đây là loại băng keo đóng rắn nhanh dùng để sửa chữa đường ống

- Trong 20 phút
- Với công việc của chỉ một người
- Với chi phí tối thiểu
- Không cần phải làm trống các dòng

Với một ít nước tắm, được sử dụng như một chất xúc tác, băng keo đóng cứng nhanh có thể đạt tới Độ cứng 80 Shore sau 10-15 phút tiếp xúc với độ ẩm. Có thể áp dụng cho đường ống bị rò rỉ hoặc bề mặt bị ăn mòn.

Băng **SEAL-TEX** có thể chịu được tiếp xúc với nhiều loại chất lỏng khác nhau, chẳng hạn như dầu mỏ, axit sunfuric (>10%), xút, hơi nước và nhiều chất khác.

Seal-Tex là **Được chứng nhận chính thức ASME PCC-2/2008** để sửa chữa thiết bị và đường ống dưới áp suất

Dữ liệu kỹ thuật	
Áp suất đường ống không có GF-HD	30 thanh
Áp suất ống với GF-HD	50 thanh
Độ bền uốn	ASTDM D709 111 N/mm vuông
Độ bền kéo	ASTDM D638 172 N/mm vuông
Lực nén	ASTDM D695 180 N/mm vuông
Sự kết dính chồng chéo đơn	19 N/mm vuông
Độ bền điện môi	16KV/mm
Khả năng chịu nhiệt liên tục	120°C - Phiên bản "XT" lên đến 500°C
Khả năng chịu nhiệt độ tối đa	190°C - Phiên bản "XT" lên đến 550°C
Khả năng chống hóa chất	Nước, nước muối, dầu mỏ, axit loãng và kiềm
Hạn sử dụng	@20°C: 3 năm



SEALTEX XT băng nhiệt độ cao

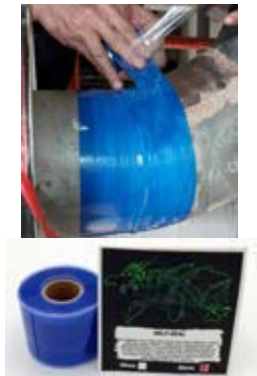
Độ bền liên tục: lên đến 500°C
Độ bền ngắn hạn: lên đến 550°C

BĂNG DÍNH SỬA ỐNG

TỰ ĐÓNG KÍN BĂNG KEO TỰ ĐÓNG

TỰ ĐÓNG KÍN đó là một **băng keo tự đông** được làm bằng cao su silicon thích hợp để sử dụng ngay trước khi sử dụng băng keo **TỰ ĐÓNG KÍN**, hoặc như trong các ứng dụng ít nghiêm trọng hơn. Một lớp quần chặt quanh đường ống bị rò rỉ giúp sửa chữa dễ dàng và nhanh hơn, nhờ vào đặc tính tự kết dính của cao su. Có thể sử dụng một miếng gỗ hoặc một con vít kết hợp với **TỰ ĐÓNG KÍN** đối với các lỗ lớn hơn.

Dữ liệu kỹ thuật	
Màu sắc	Màu xanh da trời
Chống lại	Dầu, nước, ozon và hầu hết các hóa chất
Nhiệt độ tối đa	260°C
Ứng dụng	Cách điện dụng cụ, bảo vệ cáp và đầu nối điện, cách điện xoắn ốc trong động cơ và máy phát điện, bảo vệ kết nối điện, sửa chữa đường ống



PHỦ BÍCH BĂNG KEO BÍCH

PHỦ BÍCH đó là một **hệ thống mang tính cách mạng để thay thế nắp bích** trong nhiều ứng dụng khác nhau, loại bỏ nhu cầu duy trì lượng hàng tồn kho lớn với nhiều kích cỡ khác nhau cho nhiều kích cỡ mặt bích khác nhau.

Dữ liệu kỹ thuật	
Màu sắc	Xám
Chống lại	Dầu, nước, ozon, hầu hết các hóa chất
Nhiệt độ tối đa	260°C
Ứng dụng	Ngăn ngừa các tia nước bắn ra có hại và hình thành sương mù từ các mối nối ống bị lỗi



GF-HDBỘT SỢI THỦY TINH (MẬT ĐỘ CAO)

Hợp chất **polyme phân tử được định lượng trước** của khái niệm mới, dựa trên các hạt vi mô của sợi thủy tinh, được tạo ra bằng cách đưa trực tiếp chất xúc tác vào ma trận phân tử và do đó tạo thành một thanh, được cắt theo kích thước mong muốn và thao tác bằng ngón tay, cho phép thu được **một loại bột nhào cứng lại hoàn hảo trong vài phút**.

Có thể được sử dụng để sửa chữa và tái tạo các bộ phận tổng hợp, ngoại trừ các bộ phận polyalphaolefin và flo, và cho các hoạt động **Sửa chữa dưới nước hoặc trong môi trường ẩm ướt** của các bộ phận kim loại, nơi mà các polyme thông thường không thể hoạt động được.

Dữ liệu kỹ thuật	
Thời gian sống ở 20°C	20 phút
Trọng lượng riêng	2,45g/cm ³
Thời gian trùng hợp	tối thiểu 1 giờ - tối đa 24 giờ
Nhiệt độ hoạt động	- 35°C ÷ +120°C



RÒ RỈ-3 KEO DÁN KÍN TRỰC TUYẾN

Keo dán chống thấm LEAK-3 đó là một **hợp chất mang tính cách mạng có khả năng làm giảm hoặc loại bỏ hoàn toàn tình trạng mất nước** bằng một cử chỉ rất đơn giản.

Dữ liệu kỹ thuật	
Màu sắc	Hồ phách sẫm
Chống lại	Nước, hydrocarbon
Nhiệt độ tối đa	70°C
Ứng dụng	Bịt kín rò rỉ áp suất thấp; Chống thấm bề mặt.



SẢN PHẨM BẢO TRÌ KỸ THUẬT *Tổng quan*

Giá của chất bôi trơn hoặc chất tẩy rửa không quan trọng. Quan trọng là bạn sẽ chi bao nhiêu tiền hàng năm cho chất bôi trơn hoặc chất tẩy rửa để đạt được kết quả như nhau.

Thế giới hóa chất cho các ứng dụng công nghiệp dường như vô hạn. Phạm vi trải dài trên nhiều sự kết hợp khác nhau về hiệu quả, sự tiện lợi, tác động môi trường và sự an toàn của người vận hành.

Chúng tôi luôn thúc đẩy văn hóa **bảo trì năng suất** sử dụng các sản phẩm hóa chất công nghệ cao, nhằm mục đích để đạt được mức độ hiệu quả cao nhất mà không bao giờ ảnh hưởng đến tác động môi trường hoặc về các nhà điều hành.

Điều làm cho chúng tôi nổi bật trên thị trường là danh mục sản phẩm đa dạng có thể **giảm đáng kể chi phí bảo trì trong các hoạt động công nghiệp hàng ngày**, đồng thời cải thiện điều kiện làm việc cho những người **liên quan**. Triết lý đằng sau công thức sản phẩm của chúng tôi là: sản phẩm càng tốt thì càng ít ứng dụng cần thiết để đạt được mục đích dự định. Ít ứng dụng hơn có nghĩa là ít sản phẩm được tiêu thụ hơn, ít ô nhiễm hơn, ít chất thải hơn và ít công việc hơn.

Chúng tôi tập trung vào **các giải pháp thay thế tác động môi trường thấp** kể từ khi thành lập cách đây nhiều thập kỷ, khi các quy định về môi trường vẫn còn rất lỏng lẻo. Khi các quy định trở nên nghiêm ngặt hơn, nhu cầu tối ưu hóa chi phí bảo trì trở nên quan trọng hơn để bù đắp cho biên lợi nhuận giảm ở nhiều thị trường khác nhau. Sử dụng các sản phẩm bảo trì sạch, tiết kiệm chi phí là cách tốt nhất để tạo ra giá trị đồng thời giảm tác động chung của hoạt động đến môi trường.

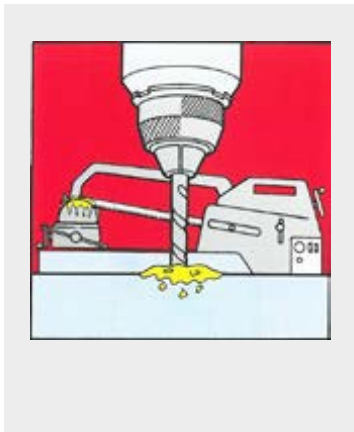


SẢN PHẨM ĐẶC BIỆT

DẦU CẮT

Chất lỏng bôi trơn và làm mát cao cấp để dễ dàng cắt, khoan, ren và gia công chung tất cả các kim loại đen và kim loại màu. Bám dính vào bề mặt dụng cụ. Không có khói.

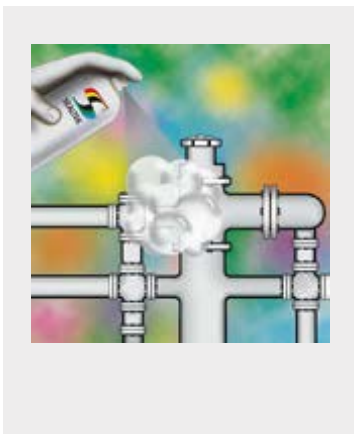
Đặc trưng	Ứng dụng
Chất bôi trơn đầy đủ	
Chất làm lạnh	
Sử dụng phổ biến	Cắt, ren, gia công tất cả các kim loại
Nó không nhỏ giọt hoặc rò rỉ	
Với phụ gia EP	
Bảo vệ khỏi sự ăn mòn	



PHÁT HIỆN RÒ RỈ KHÍ

Chất lỏng để phát hiện nhanh chóng và hiệu quả bất kỳ rò rỉ nào từ đường ống, phụ kiện và mặt bích. Thích hợp cho hệ thống oxy, khí đốt, bồn chứa và khí nén.

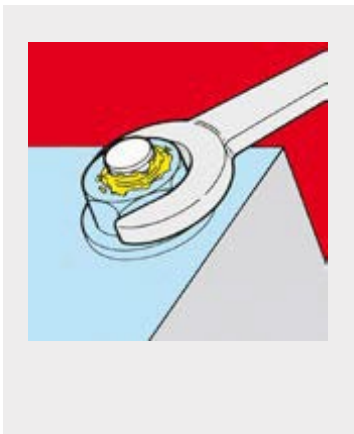
Đặc trưng	Ứng dụng
Có thể sử dụng trên tất cả các chất lỏng	
Không cháy	Dành cho đường ống, phụ kiện và mặt bích mọi kích cỡ.
Có thể nhìn thấy ngay lập tức	
Không gây ô nhiễm	
Dễ sử dụng	



CHỐNG BỊ TẮM KHÔNG CÓ KIM LOẠI

Hệ thống treo các hạt vi mô phi kim loại có điện trở bề mặt cao và phụ gia EP đặc biệt có khả năng chịu được nhiệt độ lên tới 1800°C, áp suất rất cao, sự tấn công của hóa chất và độ ẩm.

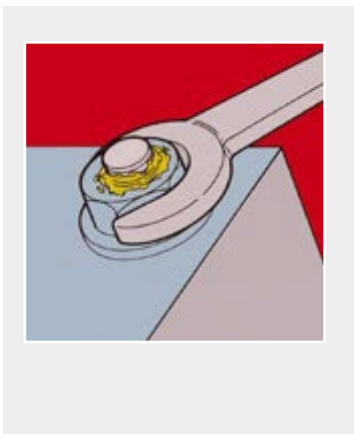
Đặc trưng	Ứng dụng
Cơ sở tổng hợp hoàn toàn	
Không chứa kim loại	
Hiệu quả lên đến 1800°C	Ngăn ngừa hiện tượng tự hàn, ăn mòn và kẹt bu lông và đai ốc trong bất kỳ môi trường.
Có thể sử dụng trên tất cả các kim loại	
Bảo vệ chống ăn mòn	
Nhiêm phong	
Ngăn ngừa tự hàn	



CHỐNG BỊ TẮM KHÔNG CÓ KIM LOẠI FG

Hợp chất bôi trơn được chứng nhận để sử dụng trong hệ thống thực phẩm, chứa các hạt phi kim loại đặc biệt có khả năng chịu được nhiệt độ cao, áp suất cao và sự tấn công của hóa chất.

Đặc trưng	Ứng dụng
Được chứng nhận không độc hại	
Nó không bị cacbon hóa	
Hiệu quả lên đến 1450°C	Ngăn ngừa hiện tượng tự hàn, ăn mòn và kẹt bu lông, đai ốc trong nhà máy đồ ăn.
Bảo vệ chống ăn mòn	
Ngăn ngừa tự hàn	
Có thể sử dụng trên tất cả các kim loại	



KIM LOẠI CỘNG

Hợp chất chống kẹt và bôi trơn dựa trên các hạt vi mô của đồng dạng phiến nguyên chất, chất ức chế ăn mòn và phụ gia EP.

Đặc trưng

Ứng dụng

Đồng nguyên chất nhiều lớp

Hiệu quả lên đến 1100°C

Chống kẹt

Chất bôi trơn nhiệt độ cực cao

Bảo vệ

Không chứa niken hoặc các chất độc hại khác

- Không chứa niken hoặc các chất độc hại khác. Ngăn ngừa sự bám dính của kim loại mềm.



CHẤT TÁCH KHỬ MỐC

Một hợp chất silicon cô đặc cao để dễ dàng giải phóng trong quá trình đúc nhựa, cao su và các vật liệu tổng hợp khác. Giảm thiểu chất thải, cải thiện bề mặt hoàn thiện và giảm thời gian sản xuất.

Đặc trưng

Ứng dụng

Số lượng biệt đội cao nhất

Bảo vệ khuôn thép

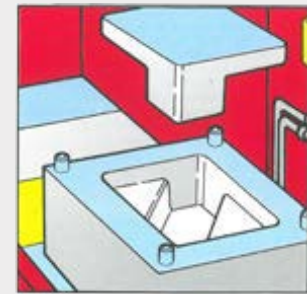
Hoàn thiện tốt hơn các bộ phận in

Ít chất thải hơn

Tăng sản lượng

Nồng độ hoạt chất cao

- Ép cao su và nhựa, dập nóng.



CẮT SIÊU CẤP

Chất lỏng tổng hợp hoàn toàn để cắt, khoan và ren kim loại đen, thép không gỉ và hợp kim. Hoàn toàn không chứa dung môi độc hại, thân thiện với môi trường và không thải ra hơi độc hại. Có thể phân hủy sinh học và an toàn. Hiệu quả cao và đáng tin cậy.

Đặc trưng

Ứng dụng

Không nguy hiểm

Rất hiệu quả

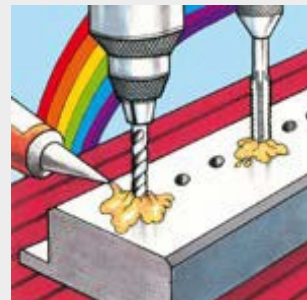
Không cháy

Nó không tạo ra khói

Cho tất cả các loại kim loại

An toàn cho người vận hành

- Cắt, gia công và tiện tất cả các loại kim loại.



SIÊU BỀN

Ngăn ngừa sự trượt của dây đai truyền động ở mọi hình dạng và vật liệu, duy trì độ căng liên tục, bảo vệ chúng khỏi bị nứt và cứng. Không tạo thành cặn hoặc cục và không bị ố.

Đặc trưng

Ứng dụng

Ngăn ngừa trượt

Tăng khả năng kéo

Giữ cho sự căng thẳng không đổi

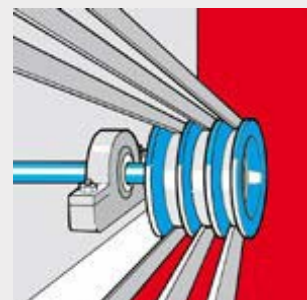
Không bị ố

Bảo vệ chống lại lão hóa

Chống thấm nước

Dành cho tất cả các loại dây đeo

- Tăng cường và duy trì độ bám của dây đai truyền động, bảo vệ dây đai truyền động



CHẤT BÔI TRƠN

SIÊU NHIỆT

Chất lỏng thẩm thấu có nguồn gốc thực vật với sức mạnh dung môi cao. Nhanh chóng giải phóng các đai ốc, bu lông và bất kỳ bộ phận cơ khí nào khác khỏi rỉ sét và oxy hóa, sau đó để lại lớp màng bảo vệ. Không chứa dung môi clo.

Đặc trưng	Ứng dụng
Phát hành nhanh	Chất tẩy gỉ để nối lỏng bu lông, đai ốc và các bộ phận kim loại khác bị chặn
Thấm sâu	
Hành động siêu nhanh	
Không chứa axit	
Bảo vệ và chống ăn mòn	
Phiên bản FG có sẵn	



CHẤT BÔI TRƠN VÀ LÀM SẠCH

Hợp chất dầu bán tổng hợp có độ nhẹ và độ tinh khiết cực cao. Thấm vào những dung sai chặt chẽ nhất, làm sạch và phủ lên bề mặt một lớp màng bôi trơn và bảo vệ.

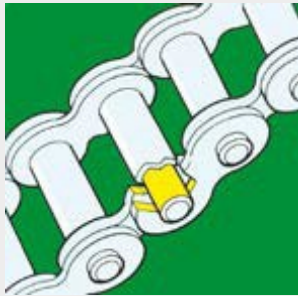
Đặc trưng	Ứng dụng
Sức căng bề mặt thấp	Chất lỏng đa dụng, nhẹ, sạch dùng cho mọi mục đích công nghiệp.
Xâm nhập vào các dung sai chặt chẽ	
Hành động làm sạch	
Chất bôi trơn tuyệt vời	
Chứa phụ gia EP	
Ngăn chặn sự ăn mòn	



CHẤT BÔI TRƠN CHO XÍCH TRUYỀN ĐỘNG

Thấm sâu và bôi trơn các chốt và ống lót của xích truyền động, ngay cả khi chịu tải trọng cực lớn. Ước chế ăn mòn, bảo vệ chống ẩm, tạo điều kiện trượt. Cũng thích hợp để bôi trơn cáp thép.

Đặc trưng	Ứng dụng
Sức căng bề mặt thấp	Bôi trơn tất cả các loại xích truyền động.
Nó không dày lên	
Bảo vệ chống ăn mòn	
Nó vẫn có hiệu quả theo thời gian	
Chứa phụ gia EP	
Xử lý hai giai đoạn	



MỠ BÔI TRƠN HT

Mỡ bôi trơn đa năng cho nhiệt độ cao. Chống oxy hóa hiệu quả, tải trọng cao, tốc độ cao và thấp. Không có điểm nhỏ giọt, chứa chất ức chế ăn mòn.

Đặc trưng	Ứng dụng
Chịu được tải trọng cực lớn	Mỡ bôi trơn cho ứng dụng nhiệt độ cao
Có hiệu lực từ -25°C đến +220°C	
Chứa phụ gia EP	
Chống oxy hóa	
Ổn định chống oxy hóa	
Ngăn chặn sự ăn mòn	



Chất bôi trơn tổng hợp HT MOLY

Hoàn toàn tổng hợp. Không để lại cặn cacbon hoặc tro. Bôi trơn ở nhiệt độ rất cao (+450°C) nhờ molybden disulfide. Chịu được áp suất cực lớn. Thực hiện hành động làm sạch mạnh mẽ.

Đặc trưng

Chứa molybden disulfide

Có hiệu lực từ -35°C đến +450°C

Không để lại dư lượng

Nó có tác dụng làm sạch

Chứa phụ gia EP

Ứng dụng

- Bôi trơn ở nhiệt độ khắc nghiệt; bôi trơn khô ngay cả ở nhiệt độ cao hơn.



MOLY CỘNG VỚI

Hợp chất bôi trơn, chống kẹt và bảo vệ dựa trên molybden disulfide. Chứa EP đặc biệt và tổng hợp. Dùng cho nhiệt độ lên đến 450°C. Giúp lắp ráp và tháo rời các bộ phận cơ khí dễ dàng và đồng thời bảo vệ các bộ phận được bôi trơn khỏi bị mài mòn.

Đặc trưng

Không chứa kim loại

Hiệu quả lên đến 450°C

Tuân thủ các thông số kỹ thuật MIL-M-7866 AB

Bôi trơn cao

Chống kẹt

Bảo vệ

Ứng dụng

- Tất cả các kết nối kim loại với kim loại.
- Ngăn ngừa sự co giãn và ăn mòn



LỚP PHỦ PTFE

Lớp phủ PTFE khô, sạch và tinh khiết. Bám dính chặt vào chất nền. Giảm thiểu ma sát trên mọi bề mặt xốp và không xốp. Chống nước và hóa chất mạnh. Dễ dàng áp dụng.

Đặc trưng

Chống mài mòn

Giảm ma sát

Sạch và khô

Cho bất kỳ bề mặt nào

Chất giải phóng tuyệt vời

Ứng dụng

- Chất tách sạch và khô
- Cải thiện tính chất ma sát trong phễu, máng trượt và bề mặt trượt cuộn



MỠ PTFE TRẮNG

Hỗn hợp mỡ khoáng tinh chế nguyên chất, mỡ tổng hợp không độc hại và PTFE siêu mịn. Dùng để bôi trơn an toàn các bộ phận chuyển động trong nhà máy thực phẩm, dược phẩm và dệt may. Chống nước, hơi nước và khói axit. Không cứng hoặc nhỏ giọt.

Đặc trưng

Nó không cứng lại

Bán tổng hợp

Chịu được nhiệt độ cao

Không mùi và không vị

Không bị ố

Ứng dụng

- Để bôi trơn chính xác các bộ phận chuyển động trong ngành thực phẩm, dược phẩm và dệt may

Được chứng nhận không độc hại

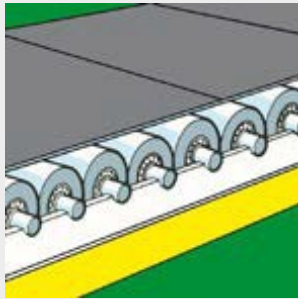


CHẤT BÔI TRƠN + LỚP PHỦ

CHẤT BÔI TRƠN SILICONE

Chất lỏng silicon cô đặc cao dùng để bôi trơn nhựa, cao su và nhiều loại vật liệu tổng hợp khác. Chất chống thấm và chất tách. Không làm ố hoặc bẩn. Hiệu quả ở nhiệt độ khắc nghiệt.

Đặc trưng	Ứng dụng
Tỷ lệ cao silicone nguyên chất	Bôi trơn nhựa, cao su và nhiều bộ phận tổng hợp khác.
Bôi trơn và bảo vệ	
Chống thấm nước và chống thấm nước	
Không bị ố	
Không độc hại và an toàn	
Có hiệu lực từ -40°C đến +220°C	



CHẤT BÔI TRƠN TỔNG HỢP

Chất lỏng tổng hợp hoàn toàn. Không để lại cặn cacbon hoặc tro. Bôi trơn ở nhiệt độ rất cao và trong những tình huống khắc nghiệt. Chịu được áp suất cực lớn. Tác dụng làm sạch mạnh mẽ.

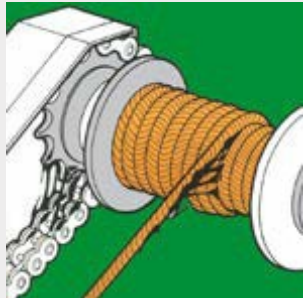
Đặc trưng	Ứng dụng
Chứa phụ gia EP tổng hợp	Bôi trơn ở nhiệt độ cao và áp suất cao khi cần khối lượng lớn.
Có hiệu lực từ -35°C đến +280°C	
Hành động làm sạch	
Không để lại dư lượng	
Phổ quát	
Thuộc kinh tế	



SIÊU LINH HOẠT

Xử lý bôi trơn bề mặt cho xích truyền động, dây cáp và bánh răng. Làm mới lớp bôi trơn sau mỗi vòng quay, không nhỏ giọt, không bị nước rửa trôi. Không chứa than chì.

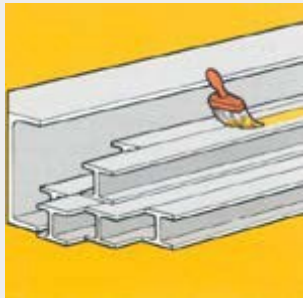
Đặc trưng	Ứng dụng
Chất lỏng bôi trơn có phụ gia EP	- Bôi trơn các bộ truyền động xích, dây cáp bàn rộng và bánh răng. - Đặc biệt thích hợp cho các tấm chuyển mạch đường sắt.
Chất kết dính	
Bảo vệ chống ăn mòn	
Chống thấm nước	
Chống lại khói hóa chất	
Dễ dàng áp dụng	



MẠ KẼM LẠNH

Bảo vệ bằng mạ điện cho tất cả các kim loại đen. Mạ điện nhanh chóng, an toàn với khả năng bảo vệ lâu dài. Không bị vỡ vụn, không bong tróc, vẫn đàn hồi theo thời gian.

Đặc trưng	Ứng dụng
Mạ kẽm điện hóa hiệu quả	Lớp phủ mạ kẽm bền lâu cho tất cả các kim loại đen.
Cơ sở tuyệt vời	
Lý tưởng cho việc chỉnh sửa	
Ngăn ngừa ăn mòn điện hóa	
Chịu được nhiệt độ lên đến 120°C	
Linh hoạt	



LỚP PHỦ BẢO VỆ CHỐNG GỈ

Bảo vệ chống ăn mòn, rỉ sét và oxy hóa mà không cần sơn. Tạo thành lớp đàn hồi, chống thấm nước và tự phục hồi, không yêu cầu chuẩn bị đặc biệt bề mặt kim loại cần bảo vệ, dễ dàng tháo rời.

Đặc trưng

Ứng dụng

Bảo vệ trong hơn 2 năm

Dễ dàng áp dụng và loại bỏ

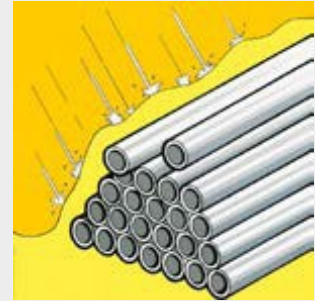
Không có sự chuẩn bị nền tảng

Hồ phách trong suốt

Tuân thủ các thông số kỹ thuật MIL và C-16173D

Chống thấm nước

- Lớp phủ và bảo vệ các bộ phận kim loại để bị rỉ sét và sự oxy hóa.



LỚP PHỦ CHỐNG ẨM

Tạo ra lớp màng bảo vệ bán dầu cực mỏng. Loại bỏ độ ẩm, ngăn ngừa rỉ sét và ăn mòn, thâm nhập ngay cả những dung sai nhỏ nhất.

Đặc trưng

Ứng dụng

Sức căng bề mặt thấp

Thấm sâu và bôi trơn

Chống ăn mòn ngắn hạn

Độ bền điện môi cao

Tuân thủ tiêu chuẩn MIL C-16173D, Cấp 3

Dễ dàng tháo bỏ nếu cần

- Phủ và bảo vệ bề mặt khỏi độ ẩm.



MÁY BIẾN ĐỔI RỈ SÉT

Có khả năng biến đổi oxit sắt (gỉ) thành muối tro thông qua quá trình điện hóa. Tạo ra một cơ sở lý tưởng cho lớp sơn lót bám dính, loại bỏ nhu cầu sử dụng các phương pháp tốn kém và nguy hiểm như phun cát, cạo và xử lý bằng axit mạnh.

Đặc trưng

Ứng dụng

Biến đổi rỉ sét thành chất tro

Độ phủ sóng rất cao

Không cần rửa sạch

Ứng dụng rất dễ dàng

Tránh ô nhiễm môi trường

- Xử lý nhanh chóng và dễ dàng các bộ phận kim loại bị rỉ sét và oxy hóa



THÉP SIÊU CẤP

Lớp phủ bảo vệ dựa trên thép không gỉ nguyên chất. Tạo ra một lớp có khả năng chống hóa chất, cơ học và nhiệt rất cao trên bất kỳ bề mặt kim loại hoặc phi kim loại nào. Ngăn ngừa sự ăn mòn, ngay cả trong môi trường có tính ăn mòn cao.

Đặc trưng

Ứng dụng

Bảo vệ lâu dài

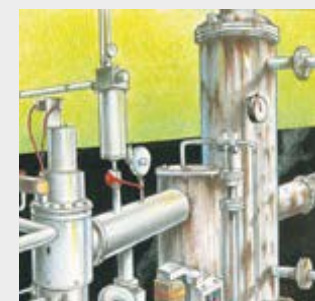
Chịu được nhiệt độ lên đến 500°C

Nó không nứt

Chống lại các cuộc tấn công hóa học

Dễ dàng áp dụng ở bất cứ đâu

- Bảo vệ lâu dài chống ăn mòn và cấu kiện trong các ứng dụng khắc nghiệt và nhiệt độ cao



CHẤT TẮY RỬA

CHẤT TẮY SƠN VÀ CẶN CARBON

Dung môi có hoạt tính khử cacbon rất cao. Phá vỡ liên kết cacbon. Hòa tan bùn, nhựa đường, sơn cũ, sơn bám dính dai dẳng.

Đặc trưng	Ứng dụng
Không chứa phenol	Loại bỏ cặn đốt, mỡ và bùn cacbon bị kẹt bên trong động cơ, bộ chế hòa khí, van và vỏ động cơ điện.
Nó không ăn mòn	
Sự bốc hơi rất chậm	
Thuộc kinh tế	
Có thể pha loãng	



CHẤT TẮY RỬA TIẾP ĐIỆN

Chất tẩy rửa tổng hợp bay hơi nhanh để vệ sinh thiết bị điện và điện tử. Độ tinh khiết cao, hầu như không có cặn, hoàn toàn không bắt lửa. Không gây hại hoặc độc hại.

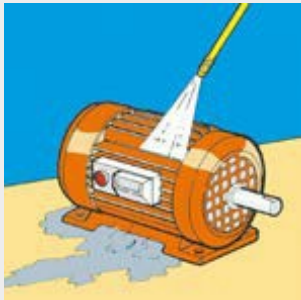
Đặc trưng	Ứng dụng
Không cháy	Loại bỏ dầu mỡ, bụi bẩn và bụi từ thiết bị điện và điện tử
Độ bền điện môi rất cao	
Bốc hơi nhanh không để lại cặn	
Không để lại dư lượng	
Hiệu quả và sâu sắc	



CHẤT TẮY RỬA ĐỘNG CƠ ĐIỆN

Chất tẩy nhờn có độ bền điện môi cao để vệ sinh động cơ, máy biến áp và các thiết bị điện khác. Không dẫn điện, không ăn mòn, không để lại cặn nhờn, không chứa dung môi có hại hoặc các chất gây ô nhiễm khác.

Đặc trưng	Ứng dụng
Độ dẫn điện thấp	Vệ sinh và tẩy dầu mỡ động cơ điện, máy phát điện, máy điều hòa không khí, quạt, máy biến áp và dụng cụ.
Không tổn kém	
An toàn cho người sử dụng	
Hành động làm sạch nhanh chóng	
Điểm chớp cháy cao	
Thân thiện với môi trường	



DUNG MÔI CÔNG NGHIỆP HÀNG HẢI

Chất tẩy rửa kiềm đậm đặc, hiệu quả trên các vết bẩn vô cơ. Không chứa dung môi độc hại, không bắt lửa, có tác dụng chống ăn mòn nhẹ. Ít tạo bọt.

Đặc trưng	Ứng dụng
Cực kỳ đa năng	Làm sạch nhanh chóng và hiệu quả máy móc công nghiệp, sàn nhà, máy bơm, ống dẫn, khoang tàu, kết cấu thượng tầng.
Không chứa dung môi độc hại	
Hành động chống gỉ	
Không ăn mòn	
Hành động làm sạch nhanh chóng	
Cực kỳ tiết kiệm	



CHẤT TẮY RỬA MỠ CÔNG NGHIỆP

Chất tẩy rửa dung môi mạnh. Nhanh chóng loại bỏ và hòa tan bùn, hắc ín và dầu mỡ. Điểm chớp cháy cao (trên 65°C). Hệ số bay hơi thấp.

Đặc trưng	Ứng dụng
Hành động rất nhanh	Bảo trì và vệ sinh toàn bộ máy móc và thiết bị trong ngành công nghiệp và hải quân.
Không mùi	
Bốc hơi chậm	
Không gây ô nhiễm	
Điểm chớp cháy cao	
Thuộc kinh tế	



CHẤT TẮY RỬA ĐA NĂNG

Chất tẩy nhờn cho các bộ phận kim loại. Nhanh chóng loại bỏ bụi bẩn và thậm chí cả dầu mỡ và cặn bùn nặng. Để lại lớp màng bảo vệ nhẹ.

Đặc trưng	Ứng dụng
Không gây ô nhiễm	Dung môi đa năng, giá thành thấp để thay thế hydrocarbon có clo.
Hiệu quả	
Độ biến động thấp	
Không gây ra sự ăn mòn	
Điểm chớp cháy cao	
Thuộc kinh tế	



CHẤT TẮY RỬA KHÔNG CÓ PHOSPHATE

Chất tẩy rửa kiềm đậm đặc được thiết kế đặc biệt để làm sạch ngay cả những vết bẩn hữu cơ cứng đầu nhất: không chứa phosphate gây ô nhiễm, dung môi độc hại hoặc thành phần nguy hiểm. Có thể phân hủy sinh học và đa năng.

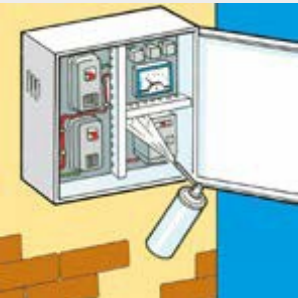
Đặc trưng	Ứng dụng
Có thể phân hủy sinh học	Chất tẩy rửa an toàn và sinh thái cho bụi bẩn hữu cơ trong khu vực dân dụng (bệnh viện, trường học, nhà hàng, siêu thị) và khu vực công nghiệp (thực phẩm, kỹ thuật động vật, hàng hải).
Tập trung	
Có hiệu quả trên đất hữu cơ	
Linh hoạt	
Không chứa dung môi	
Thuộc kinh tế	



DUNG MÔI AN TOÀN

Chất tẩy nhờn và chất tẩy rửa nhanh cho thiết bị điện và cơ khí. Không bắt lửa, chứa chất ức chế ăn mòn. Bay hơi nhanh, độ bền điện môi cao. Không để lại cặn.

Đặc trưng	Ứng dụng
Điểm chớp cháy cao	Vệ sinh thiết bị điện, động cơ, công tắc, rơ le. Thay thế các sản phẩm gốc dầu để vệ sinh lạnh và toàn bộ thiết bị cơ khí.
Bốc hơi nhanh	
TLV cao	
Ổn định	
Không ăn mòn	
Độ bền điện môi cao	



CHẤT TẨY RỬA

CHẤT TẨY RỬA SẠCH với chất ức chế

sự ăn mòn

Chất hòa tan nhanh rỉ sét, ăn mòn và cặn. Loại bỏ quá trình oxy hóa sâu khỏi tất cả các kim loại đen, cung cấp khả năng bảo vệ tạm thời khỏi sự ăn mòn. Cũng có hiệu quả chống lại bụi bẩn hữu cơ và vô cơ.

Đặc trưng	Ứng dụng
Loại bỏ rỉ sét	
Cung cấp sự bảo vệ tạm thời	Loại bỏ rỉ sét khỏi các vật liệu chứa sắt như đồng, nhôm, đồng thau và đồng thau; chuẩn bị bề mặt cho sơn hoặc mạ điện.
Hành động làm sạch hiệu quả	
Không ăn mòn kim loại	
Pha loãng với nước	
Thuận lợi	



SIÊU SẠCH LOẠI C - LOẠI D

Chất lỏng làm sạch, tẩy dầu mỡ và khử mùi cho tất cả các loại vệ sinh công nghiệp và dân dụng. Có nguồn gốc thực vật, hoàn toàn phân hủy sinh học nhưng hiệu quả cao. Không gây hại cho con người và môi trường. Có thể sử dụng thay thế cho dung môi clo, dầu mỡ hoặc xút.

Đặc trưng	Ứng dụng
Có nguồn gốc thực vật	
Chất tẩy rửa và tẩy nhờn	Chất tẩy rửa an toàn và thân thiện với môi trường giúp loại bỏ bụi bẩn, dầu mỡ, dầu và sáp trong mọi ứng dụng công nghiệp.
100% phân hủy sinh học	
Không tạo bọt	
Không gây hại cho con người và môi trường - Không chứa phosphate	



HỆ THỐNG KIM LOẠI SIÊU CẤP *Tổng quan*

Hợp chất polymer công nghệ cao cho **sửa chữa, tái thiết và bảo vệ các bộ phận kim loại và phi kim loại**, tùy thuộc vào **ăn mòn, xói mòn, tấn công hóa học, mài mòn**.

Được tạo ra bằng hỗn hợp thích hợp của nhựa thu được bằng phản ứng của epichlorohydrin epoxide $P_n < 700$ và kim loại, chất độn khoáng và tổng hợp, chúng cho phép các biện pháp can thiệp bảo trì nhanh chóng cũng như hiệu quả và lâu dài bền vững.

Bất kỳ cấu trúc kim loại nào cũng có thể được cải tạo, xây dựng lại hoàn toàn và trở nên bền chắc hơn so với cấu trúc ban đầu bằng cách sử dụng một trong những hợp chất polyme kim loại "Hệ thống siêu kim loại".

Nhờ vào tính chất cách điện của chúng, chúng cũng có thể **loại bỏ sự ăn mòn và điện phân và rỉ rở** từ tất cả các thiết bị.



HỆ THỐNG KIM LOẠI SIÊU CẤP

TÍNH CHẤT VẬT LÝ

		MÀU SẮC KHÔ	MỐI QUAN HỆ TRỘN				Ở 20°C (phút)	TRỌNG LƯỢNG RIÊNG CỦA HỖN HỢP g/cm ³	NHIỆT ĐỘ HOẠT ĐỘNG TỪ/ĐẾN	THỜI GIAN KHÔ KHẮN- CHÍN (tính theo giờ)	
KIỂU	THÀNH PHẦN		% cân nặng		% ẩm lượng					đầu số	độ cứng cuối cùng
			nhựa	chất làm cứng	nhựa	chất làm cứng					
AL-P	80% nhôm - 20% nhựa	Nhôm	100	20	4,5	1	60	1.6	- 35°C; +120°C	16	24
TẤT CẢ	80% nhôm - 20% nhựa	Nhôm	100	14	4	1	60	1,45	- 35°C; +120°C	16	24
MẸO	80% titan - 20% nhựa	Xám	100	33	-	-	120	1.61	- 35°C; +200°C đỉnh +260°C	-	48
ST-HT	80% thép - 20% nhựa	Màu xám đậm	100	100	1	1.3	30	2,34	- 35°C; +200°C đỉnh +280°C	12	24
NHANH	80% thép - 20% nhựa	Màu xám đậm	100	13	2,5	1	5	2.6	- 35°C; +90°C	3	6
LINH HOẠT-Y	100% nhựa polyurethane	Không màu	-	-	-	-	tùy thuộc vào của tối- sự lựa chọn, tối thiểu 30'	0,97	- 35°C; +95°C	Tùy thuộc vào mối quan hệ của việc trộn lẫn	
CÓ - WRW	80% oxit zirconium - 20% nhựa	Trắng	100	33	-	-	120	1,59	- 35°C; +200°C đỉnh +260°C	-	48
CE-P	80% gốm/thép - 20% nhựa	Màu xám đậm	100	25	3,5	1	45	1,67	- 35°C; +120°C	16	24
CE-L	80% gốm/thép - 20% nhựa	Đen	100	15	2.8	1	45	2.3	- 35°C; +120°C	16	24
CE-SR	80% gốm/thép - 20% nhựa	Màu xanh da trời	100	15	3,5	1	40	1.8	- 35°C; +180°C	16	24
ST-P	80% thép - 20% nhựa	Màu xám đậm	100	10	4	1	60	2.9	- 35°C; +120°C	16	24
ST-L	80% thép - 20% nhựa	Màu xám đậm	100	7	4	1	60	2,75	- 35°C; +120°C	16	24
ST-HD	50% thép - 50% nhựa	Màu xám đậm	-	-	-	-	5-10	-	- 35°C; +120°C	0,5	24

AL-PĐÁN NHÔM

Hợp chất polyme kim loại dùng để sửa chữa, bảo vệ và tái tạo các bộ phận nhôm và hợp kim nhẹ nói chung. Dựa trên các hạt nhôm siêu nhỏ được xử lý bằng chất bề mặt đặc biệt, có khả năng đảm bảo **sự phân tán hoàn hảo và đồng nhất** trong nhựa mang. Lý tưởng để bịt kín lỗ và sửa chữa hư hỏng trên khuôn, trên các bộ phận đúc khuôn, trên các bộ phận nhôm khác nhau.



TẮT CẢNHÔM LỎNG

Hợp chất polyme có độ đặc của chất lỏng, bao gồm **hạt nhôm nhỏ** phân tán trong nhựa epichlorohydrin, dành riêng cho các bộ phận nhôm và hợp kim nhẹ. Nhờ tính lưu động cao, nó thâm nhập vào **độ xốp nhỏ hơn của kim loại** tương tự. Nó được sử dụng để tạo mẫu và mô hình đúc, để khối các bộ phận kim loại, trong máy hàn siêu âm.



TI-P/TIW-PMÌ TITANIUM

Hợp chất polyme kim loại-gốm để sửa chữa và tái tạo các bộ phận kim loại. Các chất độn đặc biệt dựa trên Titan nguyên chất và nhựa liên kết mới được phát triển làm cho sản phẩm này trở nên lý tưởng cho các ứng dụng đòi hỏi vật liệu có khả năng chịu nén rất cao kết hợp với khả năng chống hóa chất tuyệt vời. Lý tưởng cho việc tái tạo và sửa chữa thân bơm, ổ đỡ, chìa khóa truyền động, cánh quạt, trục hoặc ống lót; cũng như cho lớp phủ chống ăn mòn hoàn chỉnh của bơm, van hoặc các bộ phận khác, thậm chí theo chiều dọc.



ST-HTĐÁN THÉP *Nhiệt độ cao*

Hợp chất polyme đặc biệt bao gồm **hạt thép siêu nhỏ** được vận chuyển bằng nhựa có cấu trúc "liên kết chéo" **chịu được nhiệt độ cao**. Có thể sử dụng cho tất cả các hoạt động sửa chữa trên các hệ thống hoạt động ở nhiệt độ cao như máy bơm, van, ống và van cửa. Thường được sử dụng để tạo mô hình và nguyên mẫu, để bịt kín và sửa chữa các lỗ rỗng và lỗ phun. Có thể áp dụng ở nhiệt độ lên đến 200°C liên tục và lên đến 280°C trong thời gian ngắn.



NHANH THÉP ĐÓNG CỨNG NHANH

Hợp chất kim loại cho sửa chữa nhanh chóng mọi bề mặt kim loại. Các thời gian trùng hợp, cực kỳ nhanh, cho phép sử dụng cho các hoạt động bảo trì nhanh chóng đối với các vết rò rỉ trong đường ống, thân bơm và hộp số. Đây chắc chắn là một công cụ không thể thiếu đối với hoạt động bảo trì công nghiệp hiện đại ngay cả khi, do đặc tính lý hóa khiêm tốn hơn của nó, nó luôn phải được bảo vệ sau đó bằng một hợp chất polyme thích hợp khác.



LINH HOẠT-Y PHỤ GIA ĐÀN HỒI

Flex-Y là chất xúc tác polyurethane đặc biệt, khi sử dụng thay thế chất xúc tác thông thường với CE-P và ST-P, biến đổi các hợp chất phân tử, thường có độ cứng cao, thành vật liệu có độ đàn hồi nhất quán. Độ linh hoạt của chúng có thể thay đổi bằng cách sử dụng nhiều hay ít chất xúc tác, cho đến khi đạt được độ đặc tương tự như lớp xe. Vật liệu này không thể thay thế trong việc tạo ra bề mặt có khả năng chống va đập và chấn động cơ học.



Hóa học-L LỚP PHỦ CHỐNG HÓA CHẤT

Chất lỏng Hợp chất polyme hai thành phần dựa trên nhựa ethoxy chứa silicat và ổn định bằng silicon.

Thích hợp để làm mới bề mặt, bảo vệ hoặc sửa chữa các bề mặt sắt, xi măng và bê tông như vỏ bơm, bể chứa và sàn công nghiệp. Có thể áp dụng và sẽ bám dính vào bề mặt ướt hoặc ẩm ở nhiệt độ thấp. Cung cấp bề mặt có khả năng chống mài mòn và hóa chất cực tốt, đồng thời chịu được tác động mài mòn và áp suất cũng như sự tấn công của hóa chất.



CE-WRW KEO GỖM SỬ SIÊU CHỐNG CHỊU

MÀI MÒN Hợp chất polyme bột gốm siêu mịn dựa trên titanium dioxide nguyên chất, để bảo vệ khỏi sự mài mòn và xói mòn trên bề mặt kim loại. Nhờ độ nhớt cao, nó có thể được sử dụng trên bề mặt nghiêng, thẳng đứng hoặc thậm chí là bề mặt treo. Có khả năng chống hóa chất tuyệt vời và màu trắng, thích hợp sử dụng trên mọi vật liệu mà lớp phủ chống mài mòn thông thường không phù hợp do màu tối và khả năng bị bong tróc.



CE-PKEO GỐM KIM LOẠI

Hợp chất kim loại gốm polymer để sửa chữa, tái thiết và bảo vệ mọi bề mặt kim loại chịu tác động ăn mòn, xói mòn và mài mòn mạnh. Được pha chế với tỷ lệ phần trăm cao các hạt kim loại-gốm được phân tán mịn trong một loại nhựa đặc biệt có khả năng chống chịu hóa học-vật lý cao, có thể được sử dụng có lợi để phục hồi các bộ phận hoặc tạo ra bề mặt chống mài mòn. **Đã thêm vào đặc biệt Flex-Y**, chất làm cứng polyurethane, có thể hấp thụ rung động và chấn động.



CE-L CHẤT LỎNG KIM LOẠI GỐM

Hợp chất polyme kim loại-gốm có độ đặc lỏng để sửa chữa và bảo vệ tất cả các bề mặt kim loại chịu mài mòn và xói mòn mạnh. Được tạo thành với tỷ lệ phần trăm cao các hạt vi kim loại-gốm và nhựa có khả năng chống hóa chất-vật lý cao, nó được sử dụng cho sửa chữa các bộ phận bị hư hỏng hoặc để cung cấp một bề mặt chống mài mòn. Với chất làm cứng Flex-Y gốc polyurethane đặc biệt, cho phép bạn tạo ra bề mặt đàn hồi, đảm bảo tuổi thọ lâu hơn vật liệu mới. Dễ dàng thi công bằng rulo hoặc cọ.



CE-SRGỐM LỎNG SIÊU CHỐNG CHỊU

MÀI MÒN Hợp chất polymer siêu gốm lỏng cho bảo vệ khỏi hiện tượng mài mòn và xói mòn nặng của bề mặt kim loại của thân bơm, ổ trục và ống lót, ống, khuỷu tay, cánh quạt, van. Có độ cứng bề mặt lớn, không thể gia công bằng các công cụ truyền thống dựa trên oxit zirconium, mang lại cho nó đặc tính chống mài mòn và ăn mòn tuyệt vời và độ bền cơ học cũng tuyệt vời không kém. Nó có thể được áp dụng bằng cọ, với thời gian trùng hợp được giảm.



ST-PĐÁNH THÉP

Hợp chất có độ set set được làm bằng bột thép cực mịn được xử lý trước bằng "chất kết dính" đặc biệt, trộn với nhựa polyme và chất ức chế ăn mòn. Đặc biệt thích hợp để sửa chữa, tái tạo và bảo vệ tất cả các bộ phận kim loại. Nó được sử dụng để loại bỏ sự ăn mòn và các lỗ trên bồn chứa, đường ống, thân bơm, các bộ phận máy móc. Nó có thể được sử dụng một cách có lợi trên tất cả các loại kim loại, bao gồm cả thép không gỉ, nhờ vào độ bền điện môi cao không cho phép xảy ra hiện tượng ăn mòn điện hóa.



ST-LTHÉP LỎNG

Hợp chất polyme của **độ đặc của chất lỏng**, được làm bằng thép hạt cực mịn, được xử lý bằng “chất kết dính” đặc biệt và trộn với nhựa và chất ức chế ăn mòn. Đặc biệt thích hợp để sửa chữa hư hỏng bề mặt của các bộ phận kim loại, để tạo **ramô hình và khuôn hướng dẫn**, để bịt kín các lỗ xốp và bong bóng nhỏ trong các bộ phận in. Lý tưởng như một tác nhân khóa trong việc định vị các máy công cụ. Độ bền điện môi cao của nó không cho phép xuất hiện hiện tượng ăn mòn điện phân.



ST-HDBỘT THÉP *mật độ cao*

Một khái niệm mới về hợp chất polyme phân tử được định lượng trước, dựa trên các hạt thép siêu nhỏ, được tạo ra bằng cách đưa trực tiếp chất xúc tác vào ma trận phân tử và do đó tạo thành một thanh, cắt theo kích thước mong muốn và thao tác bằng ngón tay, cho phép thu được một hỗn hợp sệt. **Nó cứng lại hoàn hảo trong vài phút.** Có thể sử dụng để sửa chữa nhanh hoặc tái tạo các bộ phận kim loại bằng thép, sắt, gang.

